PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31/12/2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

(Tiếp theo Công báo số 273 + 274)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT

HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 10%	Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Điều trị bệnh do mycoplasma, treponema, hen suyễn, CRD, hồng lỵ	TWI-X3-6
2	Spectam SH	Spectinomycin	Lọ	5ml	Trị bệnh lợn con phân trắng	TWI-X3-8
3	Cafein natribenzoat	Cafein	Ống Lọ	5ml 100ml	Điều trị cơ thể bị suy nhược, suy tim, bị ngộ độc, kích thích hưng phấn	TWI-X3-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Strychnin sulphate 0,1%	Strychnin	Ống	2ml	Điều trị cơ thể suy nhược, thần kinh rối loạn, nhược cơ	TWI-X3-14
5	Chlor-tylan	Tylosin, Doxycylin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, phó thương hàn, viêm teo mũi	TWI-X3-19
6	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-20
7	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Điều trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-21
8	B.complex inj	Vitamin B	Lọ, ống	20, 50ml, 100ml 2ml, 5ml	Kích thích tiêu hóa, tăng cường trao đổi chất, nâng cao sức khỏe	TWI-X3-25
9	A, D_3, E hydrovit for oral	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-27
10	ADEB.complex	Vitamin A, D, E, B	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100, 500ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-28
11	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-31
12	Gentamycin 4%	Gentamycin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phúc mạc, nhiễm trùng huyết, E.coli, P. thương hàn	TWI-X3-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Kanavet	Kanamycin	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị khuẩn, viêm khớp, E.coli, viêm vú	TWI-X3-33
14	Gentatylodex	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, kiết lỵ, thương hàn, viêm ruột	TWI-X3-34
15	Analgin	Analginum	Ống, lọ	2, 5, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, thấp khớp, co thắt ruột	TWI-X3-35
16	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống, lọ	5ml 10, 50, 100ml	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng lỵ, tụ huyết trùng	TWI-X3-45
17	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5,10, 20, 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TWI-X3-48
18	Erythracin	Erythromycin, Oxytetracyclin	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, đóng dấu, viêm vú, CRD	TWI-X3-50
19	Septotryl 24%	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml 10, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng, viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	TWI-X3-53
20	Colistam	Colistin, Ampicilin	Lọ	10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm rốn	TWI-X3-55
21	Neo KD	Neomycin sulfate, Kanamycin sulfate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm vú	TWI-X3-67
22	NCD	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị phân trắng, phó thương hàn, E.coli, bạch lỵ	TWI-X3-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23	Norcoli-TWI	Norfloxacin	Ống, lọ	5,10, 20, 50, 100ml	Trị phân trắng, tiêu chảy, phó thương hàn, bạch lỵ, viêm phổi, CRD	TWI-X3-72
24	Coli D	Colistin	Lọ	50, 100ml	Trị tiêu chảy, E.coli dung huyết, PTH	TWI-X3-74
25	Kanatialin	Kanamycin, Tiamulin	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị THT, viêm phổi, suyễn, hồng lỵ	TWI-X3-79
26	Lincomycin	Lincomycin	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị tụ cầu, liên cầu, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	TWI-X3-84
27	Ampi-KD	Ampicilin, Kanamycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục	TWI-X3-90
28	Ampicoli .D	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100m	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi	TWI-X3-91
29	Bioticolin	Colistin, Tiamulin	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, viêm teo mũi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy	TWI-X3-94
30	Biocomycine	Colistin, Spiramycin	Ống Lọ	5ml 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, tụ huyết trùng, sảy thai truyền nhiễm	TWI-X3-95
31	Vitamin K 1%	Vitamin K	Ống, lọ	2ml; 100ml	Cầm máu, bại huyết	TWI-X3-97
32	Lincosep	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy, phân trắng lợn con	TWI-X3-98
33	Spectyl	Tylosin, Spectinomycin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50,100ml	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, E.coli, phó thương hàn	TWI-X3-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	Tetramulin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, CRD, Leptospirosis, hồng lỵ	TWI-X3-104
35	Poly AD	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 100ml	Kích thích tăng trưởng, sinh sản, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-107
36	Calci B_{12}	Vit B_{12}, Calci gluconat	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị bại liệt, co giật, hạ đường huyết	TWI-X3-110
37	Oxycin	Oxytetracyclin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị đóng dấu, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, Leptospirosis	TWI-X3-113
38	Coli SP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị phân trắng, viêm dạ dày - ruột, CRD, viêm xoang, viêm tử cung	TWI-X3-116
39	Amoseptryl	Amoxycillin, Sulfadimezin	Lọ	50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, phân trắng, viêm phổi	TWI-X3-117
40	Gentamox	Gentamycin sulfate, Amoxycillin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị viêm vú, nhiễm trùng huyết, đóng dấu, uốn ván, nhiệt thán	TWI-X3-118
41	Tylosul	Tylosin tartrate, Sulfadimezin	Lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi, viêm xoang, tụ huyết trùng, viêm vú, CRD	TWI-X3-120
42	Coli-T.T.S	Colistin sulfate, Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, viêm vú, viêm teo mũi truyền nhiễm, thương hàn	TWI-X3-124
43	Sulmutin	Sulfadimezin, Tiamulin	Lọ	20, 50, 100ml	Trị suyễn, hồng lỵ, CRD, viêm vú, ung khí thán, uốn ván	TWI-X3-125
44	Tylotetrasol	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin	Lọ	5, 20, 50, 250, 100ml	Trị suyễn, CRD, tụ huyết trùng	TWI-X3-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
45	Ferridextran + B_{12}	Fe, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 20ml, 100ml	Bổ sung sắt và vitamin B_{12}	TWI-X3-144
46	Leptocin	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	10, 20ml	Trị leptospirosis, viêm phổi, hồng lỵ	TWI-X3-155
47	Atropin sulfat	Atropin sulfate	Ống	2ml	Chống co thắt ruột, dạ con, bàng quang, giảm tiết dịch ruột	TWI-X3-159
48	Amino-B_{12}	Amino acid, Vitamin B_{12}	Lọ	20, 50, 100, 500ml	Thiếu máu, bồi bổ cơ thể	TWI-X3-169
49	Fasiolid	Nitroxinil	Lọ	10, 20, 50ml	Tẩy sán lá	TWI-X3-171
50	Novocain 3%	Novocain	Ống	2ml	Giảm đau, gây mê, phong bế thần kinh	TWI-X3-174
51	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml	Bổ máu, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-178
52	BoGama	Methinonin, Vitamin B_6	Ống, lọ	5, 10, 30, 50ml 100ml	Bổ gan, lợi mật, Leptospirosis, tiêu chảy, Dyspepsia	TWI-X3-181
53	Urotropin	Urotropin	Ống, lọ	2,5; 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu, viêm cơ,	TWI-X3-186
54	Vinarmectin	Ivermectin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Tẩy giun tròn, ghẻ, ve, bọ chét	TWI-X3-188
55	Vinathazin	Promethazini HCL	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống dị ứng, thần kinh bị kích thích, chống co giật, phù thũng lợn con	TWI-X3-189

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
56	Vinaenro 5%	Enrofloxacin, HCL	Ống, lọ	5; 10; 20 ;50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng, trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	TWI-X3-49
57	Fatra	Colistin sulphat, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Đặc trị phân trắng lợn con, tiêu chảy mất nước trước và sau cai sữa	TWI-X3-54
58	Vina-Edema	Colistin sulphat, Kanamycin monosulphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Kanamycin và Colistin gây ra	TWI-X3-63
59	Coli KN	Colistin, Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu, nhiễm trùng da trên trâu, bò, chó, mèo	TWI-X3-69
60	Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	TWI-X3-70
61	Spectilin	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spectinomycin, Lincomycin gây ra	TWI-X3-80
62	Pneumotic	Tylosin, Bromhexin Oxytetracyclin,	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hội chứng tiêu chảy, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-81

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
63	Vinadoxin	Doxycyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-92
64	Anflox-T.T.S	Colistin, Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-122
65	PTLC	Colistin, Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Spectinomycin trên dê non, cừu non, lợn con	TWI-X3-152
66	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do các vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra	TWI-X3-1
67	Oxy L.A	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	TWI-X3-71
68	Quinoxalin Oral	Sulfadimidin Sulphaquinoxalin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh cầu trùng đường ruột, viêm mũi, nhiễm cầu trùng	TWI-X3-102
69	Iverrmectin 1%	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê cừu, lợn	TWI-X3-119
70	Spyramycin inj	Spyramycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Mycoplasma, bệnh đường hô hấp và đường ruột, viêm khớp, vú trên trâu, bò, bê nghé, dê cừu, lợn	TWI-X3-121
71	Bromhexin 0,3%	Bromhexin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh phế quản, phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TWI-X3-126

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
72	Erythromycin 20	Erythromycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	TWI-X3-154
73	Flumequin 18	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do Salmonella, Pasteuralla, Colibacillus trên bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-160
74	Amox L.A 15%	Amoxicillin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do Pasteuralla gây ra trên trâu, bò, cừu, lợn	TWI-X3-168
75	Danofloxacin	Danofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm nhiễm ở đường hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn	TWI-X3-192
76	Fosformicin	Fosformicin, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50;100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TWI-X3-194
77	Linco-Gen	Gentamycin, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy và viêm khớp	TWI-X3-195
78	Analgin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tác dụng giảm đau, chống phong thấp và sốt	TWI-X3-196
79	Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trợ sức, tăng sức đề kháng cho cơ thể	TWI-X3-197
80	Vinaflocol	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-198
81	Vinacef	Ceftiofur	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi - màng phổi, THT, viêm tử cung, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-199

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
82	Flodoxin	Florfenicol, Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm đạo, viêm màng não	TWI-X3-201
83	Vinasone	Tylosin tartrate Thiamphenicol	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, hội chứng viêm vú - tử cung - mất sữa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TWI-X3-202
84	Vina-cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Trị cầu trùng gia cầm	TWI-X3-203
85	Vinatosal	Vit B_{12}, Butaphosphan	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ kích thích sự biến dưỡng	TWI-X3-207
86	Vina-Drax	Tulathromycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với P.haemolytica, P. multocida, Haemophillus. Mycoplasma, Actinobacillus pleuropneumoniae gây ra trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-210
87	Vina- cox 5%	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Phòng và điều trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé, cừu con	TWI-X3-211
88	Vina- san	Praziquantel	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị sán trên chó, mèo: Echinococcus spp, Dipylidium caninum, Mesocestoides spp, Joyeuxiella pasqualei	TWI-X3-213

2. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống; lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-3
2	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-4
3	Cafein Nabenzoat20%	Cafein natri-benzoat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ tim	UHN-15
4	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ lực	UHN-16
5	Nước cất	H_2O	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Dùng cho pha tiêm	UHN-17
6	Huphaflocin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 100ml	Trị ỉa phân trắng lợn con	UHN-34
7	L-5000	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị xoắn trùng	UHN-37
8	G-5000	Lincomycin, S. dimedin	Lọ	5;10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-38
9	T-5000	Tylosin, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phù đầu phù mặt	UHN-39
10	H-5000	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-40
11	Hupha-Tia 10%	Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi (CRD)	UHN-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	Hupha-Linco 10%	Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung	UHN-42
13	Hupha-Enro 1%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-43
14	Hupha-Flume 10%	Flumequin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-44
15	Hupha-Analgin 30%	Natri methamisol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	UHN-45
16	Hupha-Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	UHN-46
17	Hupha-Colistin 3%	Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị E.coli dung huyết	UHN-47
18	Hupha-KC	Kanamycin; Colistin	Ống, lọ	5ml; 10; 20;50;100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-48
19	Hupha-Lincospec	Lincomycin, Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn lợn con	UHN-49
20	Hupha-Gentatylan	Gentamycin, tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, viêm phổi	UHN-50
21	Huhpa-Cefalexin	Cefalexin base	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, tiêu chảy	UHN-51
22	Hupha-Ampicolistin	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23	Hupha-Spec-T	Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-54
24	Hupha-Gentamycin	Gentamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi	UHN-55
25	Hupha-Bcomplex	Vitamin B_1; B_2; B_5; B_6; PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-56
26	Hupha-ADE.Bcomplex	Vitamin A, D, E, B1, B2, B5, B6, PP	Ống, Lọ	5ml 5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-60
27	Hupha-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị ghẻ, tẩy các loại giun tròn	UHN-61
28	Hupha-Tozal F	Oxyclozanid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-62
29	Hupha-Fasiola	Droncit praziquantel	Lọ	10; 20; 50; 60; 90; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-65
30	E-5.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-68
31	E-10.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-69
32	Hupha - Enrofloxacin	Enrofloxacin 1%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-70
33	Hupha - Flume- U	Flumequin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	Hupha - Colistin	Colistin 3%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy	UHN-72
35	E-5.000- U	Enrofloxacin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-73
36	E-10.000-U	Enrofloxacin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-74
37	Hupha-Spec-U	Spectomycin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy ở lợn, bê nghé.	UHN-75
38	Hupha - Sulfamethox 30%	Sulfamethhoxypyridazine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxypyridazine	UHN-76
39	Hupha-Oxyject 10%	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin	UHN-77
40	Hupha-Tylanject 200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, thỏ, lợn, chó, mèo	UHN-78
41	Hupha-Fer Dextran-B_{12}	Fer Dextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống chứng thiếu máu, bệnh tiêu chảy trên gia súc non	UHN-79
42	HUPHA-Marbocyl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacine trên bê, lợn	UHN-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
43	Hupha - Flor 30	Florfenicol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò, lợn	UHN-86
44	Huphacox 2,5%	Toltrazuril	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	UHN-88
45	Hupha-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	UHN-91
46	Hupha-Flodox	Florphenicol, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh tiêu chảy, thương hàn, viêm đường hô hấp trên gia súc	UHN-92
47	Hupha-Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Cung cấp năng lượng, trợ sức, giải độc, lợi tiểu trên gia súc, gia cầm	UHN-93
48	Hupha-Oxyvet L.A	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với xytetracyclin, gây nên các bệnh hô hấp, tiêu chảy trên gia súc	UHN-94
49	Hupha-Paradol-U	Paracetamol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt, các chứng sốt trên gia súc, gia cầm	UHN-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
50	Hupha-Dexa	Dexamethason (phosphate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong bệnh nhiễm khuẩn, hô hấp, viêm khớp	UHN-96
51	Hupha-Bromhexin-T	Bromhexin (HCL)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-97
52	Hupha-Novil	Spiramycin (Adipate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-101

3. Công ty TNHH dược thú y Thăng Long

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	TĐ-B.Complex+C	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, Nicotinamide	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị bệnh do thiếu hụt Vitamin nhóm B trên bò, ngựa, cừu, heo	TL-25
2	TĐ-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gà	TL-20
3	TĐ-Enro.vet-5	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	TL-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	TĐ-Enro.vet-10	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	TL-22
5	TĐ-Tylosin-500	Tylosin tatrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, chó, mèo	TL-23
6	TĐ-Gentamyccin	Gentamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	TL-24
7	TĐ-Amoxicilline. LA	Amoxicilline	Chai, can	5; 10 ; 20 ; 50 ; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	TL-26
8	Đanagine + C	Vitamin C, Analgine	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TL-27
9	TĐ-Thiamphenicol 20	Thiamphenicol	Chai	10; 20; 5; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	TL-28
10	TĐ-Gentatylosin	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	2; 5; 10; 20 ; 50; 100; 250 ; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, hồng lỵ, đóng dấu, tụ huyết trùng trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm	TL-29
11	TĐ-Florfenicol	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	TL-30

4. Công ty dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	ADB Complex	Vitamin A, Đ, E, PP, B_1, B_2, B_6, Methionine	Gói	50g	Bổ sung vitamin và tăng cường trao đổi chất	DKN-5
2	ADB Complex	Vit, A, D_3, PP, B_1, B_2, B_6	Gói	25, 50, 100g	Bổ sung vitamin và tăng cường trao đổi chất	DKN-9
3	Penicillin G potasium	Penicillin G potasium	Lọ	1.000.000UI	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+)	DKN-1
4	Streptomycin	Streptomycin sulphate	Lọ	1g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-)	DKN-2
5	Tylosin 5%	Tylosin	Lọ	10; 25; 50ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	DKN-10
6	Gentatylo	Gentamycin, Tylosin	Lọ	10, 25, 50ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+)	DKN-13
7	Enrofloxacin	Enrofloxacin	Lọ	10; 25; 50ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	DKN-15

5. Công ty TNHH Thiện Chí I

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Điện giải	NaCl; $NaHCO_3$ KCl; Glucoza	Gói	50g; 100g	Bổ xung chất điện giải trong trường hợp con bệnh mất nước và chất điện giải	TCI-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Glucoza	Glucoza	Gói	100; 500; 1000g	Bổ sung đường, tăng cường trao đổi chất	TCI-02
3	CRD-Mycotic	Tiamulin, Chlotetracyllin	Gói	10g; 20g 50g	Chống bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	TCI- 03
4	Tylosin tatrate 98%	Tylosin tartrate	Túi	10g ; 20g	Chống nhiễm khuẩn đường hô hấp	TCI-04
5	B-Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Gói	50; 100; 200; 500g	Thuốc bổ sung Vitamin B	TCI-09
6	Norfloxacin	Norfloxacin	Túi	10g, 20g, 50g	Chống nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, niệu	TCI -11
7	Namagxit	Natricitrat, Natri sulphat	Túi	10g, 20g, 50g	Chữa đầy hơi chướng khí, kích thích nhuận tràng	TCI -12
8	Gencostinic	Gentamycin, Sulfadiazin	Túi	10g, 20g; 50g	Phòng chống nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, gan, thận và niệu đạo	TCI-13
9	CRD-Bcomplex	Tylosin tartrate Sulfamethoxazol	Túi	10g, 20g, 50g	Phòng trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa gia súc, gia cầm, thủy cầm	TCI-18
10	Enro - Vịt ngan ngỗng	Enrofloxacin	Túi	10g, 20g; 50g	Phòng trị bệnh nhiễm khuẩn hô hấp, gan, tiêu hóa, thận, sinh dục	TCI-30
11	Tylosin tatrate 98%	Tylosin tartrate	Ống	0,5g	Chống nhiễm khuẩn đường hô hấp	TCI-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	Norfloxacin 500	Norfloxacin	Lọ	10ml, 20ml, 50ml,100ml	Phòng trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nội độc tố E-coli	TCI-24
13	Tylosin 125	Tylosin tartrate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm đường hô hấp mãn tính	TCI-25

6. Công ty TNHH thuốc thú y (PHAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colavi	Berberin	Lọ	20ml	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm	HCN-15
2	Vitamin C	Vitamin C	Ống	5ml	Bổ sung vitamin	HCN-29
3	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống	5ml	Bổ sung vitamin	HCN-30
4	Colis. T	Colistin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) gây ra	HCN-32
5	Natribenzoat 20%	Cafein nabenzoat	Ống	5ml	Trợ tim	HCN-33
6	Glucose 5%	Glucose	Ống	5ml	Bổ dưỡng	HCN-34

7. Công ty cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Five-Costrim	Colistin sulfate, Trime	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Trị E.coli, PTH, tiêu chảy lợn, dê, cừu non	TW5-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Five-Otilin	Tiamulin, Dexa Oxytetracylin,	Ống, lọ	10, 20, 50ml	Trị Leptospirosis, viêm phổi, hồng lỵ	TW5-10
3	Five-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng, trị các bệnh do ký sinh trùng ở dạ dày, phổi, thận trên trâu bò, lợn	TW5-26
4	Five-Trile	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin	TW5-28
5	Five- Kanamycin	Kanamycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TW5-31
6	Five- Gentoxcin	Gentamicin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	TW5-32
7	Five-Kacolis	Kanamycin, Colistin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò; nhiễm khuẩn đường niệu dục, viêm da trên chó, mèo	TW5-35
8	Five-Leva	Levamysol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TW5-38
9	Five-P.T.L.C	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên lợn con, dê, cừu	TW5-39
10	Five-Tydo.C	Tylisin tartrate, Doxycyclin hyclate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	Five-Tio.D	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp, Leptos-pirosis trên trâu, bò, lợn	TW5-41
12	Five-Flo.30	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	TW5-49
13	Five-TT.G500	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin	TW5-55
14	Five-S.P.C	Colistin, Spectinomycin	Ống, lọ	5;10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do E.coli, Salmonella trên dê non, cừu non, lợn	TW5-56
15	Five-Lincopectin	Lincomycin Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm nhiễm cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	TW5-57
16	Five -Anagin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt	TW5-61
17	Five-Amcoli-D	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexa	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm Ampicillin, Colistin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-62
18	Five-Cfor	Ceftiofur	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur	TW5-66
19	Five-Genamox	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	5;10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm vú, nhiễm trùng đường tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Five-Fe B_{12}	Fe dextran. Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên lợn, trâu, bò	TW5-71
21	Five-Cox 2,5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên gà, gà tây	TW5-72
22	Five-Cox 5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên lợn	TW5-73
23	Five- Otylin	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-77
24	Five-Enrocin	Enrofloxacine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-78
25	Hado.Lincocin	Lincomycin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị viêm khớp do Mycoplasma hyosynoviae hoặc hyorhinis, liên cầu, tụ cầu, đóng dấu, viêm phổi địa phương do mycoplasma trên lợn. Nhiễm khuẩn ở da (viêm da do tụ cầu). Nhiễm khuẩn hô hấp, viêm bàng quang, viêm âm đạo, viêm tử cung và viêm bạch huyết trên chó, mèo	TW5-83

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
26	Hado.Enro10	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường niệu - đạo do vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-86
27	Hado.Flusuper	Flumequin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường tiết niệu - sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequin trên lợn, gia cầm	TW5-87
28	Hado.Spec	Colistin sulfat Spectinomycin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin, Spectinomycin trên dê non, cừu non, lợn con	TW5-91
29	Hado.Tylin	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-93
30	Hado.DTS	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Trị bệnh hô hấp, viêm ruột non hoại tử, bệnh lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm tai, viêm kết mạc	TW5-94
31	Hado.dexa	Dexamethason natri phosphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Kháng viêm, chống dị ứng, stress, sốc	TW5-97

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
32	Hado.Glucose	Glucose	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Cung cấp nước và năng lượng, giải độc, lợi tiểu, tăng sức đề kháng	TW5-99
33	Hado.Tylosin 150.LA	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	TW5-102
34	Hado.Oxylin.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày-ruột, viêm khớp, hội chứng M.M.A, nhiễm khuẩn gây sảy thai, nhiễm khuẩn cơ hội do virus trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	TW5-103
35	Hado.Tylosin. 2000	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn mà vi khuẩn mẫn cảm với tylosin trên râu, bò, cừu, dê và lợn	TW5-104
36	Five-Tylan@.LA	Tylosin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy ở lợn	TW5-105
37	Five-Amox@.LA	Amoxicillin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, nhiễm khuẩn hô hấp gây ra bởi vi khuẩn Gram (+) và Pasteurella trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, chó và mèo	TW5-106
38	Five-Diclo.10	Natri diclofenac	Ống Lọ	5, 10, 20, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt ở ngựa và gia súc	TW5-107

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
39	Five-Butasal	Butaphosphan Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị rối loạn hấp thu và chuyển hóa trên gia súc, gia cầm	TW5-110
40	Five-Vitamin B_1	Thiamin hydroclorid	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	TW5-112
41	Five-Cafein	Cafein	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị suy nhược cơ thể, trợ tim, kích thích thần kinh, chữa co thắt mạch máu, giảm nhu động ruột	TW5-113
42	Five-Vitamin K	Vitamin K	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh gây xuất huyết, viêm ruột, viêm gan, cầu trùng ghép, E.coli bại huyết, chấn thương, coli dung huyết	TW5-114
43	Five-Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Chống stress, tăng cường sức đề kháng, trị các bệnh thiếu Vitamin C	TW5-115
44	Hado. Enflocin	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu ở bê, nghé, trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-116
45	Hado.Flocol.LA	Florfenicol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	TW5-117
46	Hado.Maxflocin.LA	Marbofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Marbofloxacin ở bê, nghé, lợn	TW5-118

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
47	Five-Gluco.k.c.namic	Tolfenamic acid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau, tiêu viêm, phối hợp với kháng sinh điều trị M.M.A	TW5-119
48	Hado.Thiam.oral	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TW5-120
49	Hado.Cox1	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	TW5-121
50	Hado.Cox2	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con, dê non, cừu non	TW5-122
51	Hado.Cetifor	Ceftiofur	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hô hấp trên trâu, bò, lợn	TW5-123
52	Hado.Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	TW5-124
53	Five-Nitroxynil	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, giun trên trâu, bò, cừu, gà, chó	TW5-125

8. Công ty TNHH thú y xanh Việt Nam (Greenvet CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_{12}.5%	Vitamin B_1	Ống	5ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-14
2	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-15

9. Công ty TNHH sản xuất, dịch vụ, thương mại Thịnh Vượng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tetracyclin (viên)	Tetracyclin HCL	Lọ	500 viên (125mg/viên)	Chữa viêm phổi, phế quản, áp xe phổi, lỵ amip, trực khuẩn, nhiễm trùng huyết, viêm màng não	THV-01
2	Vitamin B_1 (viên)	Vitamin B_1 mononitrate	Lọ	500-1800 viên (0,5mg/viên)	Chữa phù thũng, viêm dây thần kinh, liệt dây thần kinh ngoại vi, tốt cho gia súc có thai	THV-4
3	ADE-Bcomplex	Vitamin AD_3E, B_1, B_6, PP, B_{12}	Bao hộp	50-100g 15,30 kg	Giúp cơ thể tăng trọng nhanh, chống còi cọc, suy dinh dưỡng sau ốm, tăng khả năng trao đổi chất	THV-05
4	Dectin-THV	Abendazol	Gói	1;1,5;2;3;5g; 10;20g	Trị giun tròn, giun khí quản, giun đũa, giun móc, giun tóc, giun lươn, giun xoắn và sán dây	THV-12
5	Flumequil-THV 10%	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, viêm ruột, THT trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, thỏ	THV-18
6	Antibiotique	Tetracyclin, Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Tylosin gây ra trên bê	THV-19
7	Cotin-neocin	Neomycin, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do nhiễm các loại vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin	THV-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Nor-Etocin.THV	Norfloxacin	Gói	5;10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra trên bê, nghé, gia cầm	THV-24
9	Sb30 - Trivetco	Sulphachloropyridazine sodium monohydrate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn và tụ huyết trùng trên gia cầm	THV-25
10	Penicillin G Potascium	Penicillin G potascium	Lọ	1.000.000UI (≈ 0,63g/lọ)	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+), các bệnh nhiệt thán, đóng dấu lợn, xoắn trùng	THV-02
11	Streptomycin sulfate	Streptomycin sulfate	Lọ	1g	Tác dụng chủ yếu với các vi khuẩn Gr (-), đặc biệt nhạy cảm với vi khuẩn THT, E. coli	THV-03
12	B.Complex-THV	Vit B_1, B_2, B_5, B_6, PP, Nipazin, Dinatriedetate	Lọ	20;50;100ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin ở gia súc non, rối loạn tăng trưởng, kém ăn, stress	THV-10
13	Cafein natribenzoat	Cafein natribenzoat	Lọ	5;10;20;50ml; 100 ml	Trị thủy thũng tích nước, giải độc, trợ lực, trợ sức, chống bại liệt thể nhẹ ở trâu, bò, lợn, chó	THV-11
14	THV-Vitamin B_1	Vitamin B_1 (Thiamin hydroclorid)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh tê phù, đau dây thần kinh, chống mệt mỏi, kém ăn, rối loạn tiêu hóa	THV-13
15	THV VitaminC-5%	Vitamin C, Natrimetabisulfit.	Lọ	5;10;20;50;100ml	Phòng, trị bệnh Scobut thiếu máu dị ứng	THV-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Enrofloxacin THV 5%	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, lợn	THV-15
17	Gentamycin THV 4%	Gentamycine base.	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy do Salmonella, E.coli trên bê, nghé. Viêm đường tiết niệu trên chó, mèo	THV-16
18	Tricolis	Trimethoprim, Colistin sulfate, Vit K_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm khuẩn huyết, viêm đường niệu dục trên bê, cừu, dê, lợn, gia cầm, thỏ	THV-17

10. Công ty TNHH thuốc thú y miền Bắc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 5%	Tylosin tartrate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, CRD, PTH, THT	MB-14
2	N-Tikana	Tiamulin HF, Kanamicin sulphate	Ống, lọ	5 ml 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng tiết niệu - sinh dục	MB-15
3	Gentylosin	Gentamicin sulphate, Tylosin tartrate, Dexa	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, thương hàn, CRD, phó thương hàn, THT ở gia súc, gia cầm	MB-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Kanamicin 10%	Kanamicin sulphate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiệt thán, bệnh viêm phổi, bệnh cầu trùng ghép coli bại huyết	MB-18
5	Analgin - C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	5,10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, trị thấp khớp, giảm co thắt đường ruột, chướng bụng	MB-19
6	N-Pneusid	Tiamulin HF, Oxytetracyclin HCL, Theophyllin	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, đường ruột, đường niệu - sinh dục, viêm tử cung, tụ huyết trùng	MB-20
7	Gentamicin 5%	Gentamicin sulphate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, THT, CRD, PTH	MB-22
8	N- Oxysin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tatrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị viêm phế quản, viêm phổi truyền nhiễm, viêm phổi trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	MB-23
9	N- Neocin	Neomycin sulphate salt	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml;1 lít.	Trị tiêu chảy do nhiễm trùng đường ruột trên heo, bê, cừu, ngựa, chó	MB-25
10	N- Enxin	Enrofloxacin HCL salt	Lọ	10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli trên bò. Bệnh đường tiêu hóa, MMA trên heo. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	MB-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	N- Dolin. LA	Doxycyclin HCL	Ống, lọ	5; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	MB-27
12	N- Fluquin	Flumequine sodium salt	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng ruột, đường hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da	MB-28
13	N-Kanacol	Colistin sulphate salt, Kanamycin mono sulphate salt,	Ống, lọ	5ml,; 10; 20; 50 ml; 100; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin gây ra trên trâu, bò, chó, mèo	MB-29
14	N-Speclin	Spectinomycin HCL salt, Lincomycin HCL salt	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml ; 200; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin, Lincomycin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	MB-30
15	N- Coliprim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít.	Trị các bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim gây ra trên lợn con, dê, cừu con	MB-05
16	N- Ticol	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít.	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm đa khớp, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn	MB-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	N- Septorim	Sulphadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường niệu, đường ruột, viêm khớp, viêm mắt, tai, miệng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MB-13
18	N- Colison	Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít.	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên cho gia súc, gia cầm	MB-17
19	N-Phenicol	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	MB-21
20	N- Mectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị giun sán, ghẻ, chấy, rận trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MB-32
21	N- Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bênh thiếu Vitamin B_1 trên gia súc, gia cầm	MB-34
22	N-Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Chống Stress, suy nhược cơ thể, nhiễm độc, trên gia súc, gia cầm	MB-35
23	N- B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP, B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng, trị chứng gầy còm của gia súc có chửa, gia súc cho sữa, gia cầm non chậm lớn	MB-38
24	N-Eurovit	Vitamin A, D_3, E, PP, B_6, B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Chống còi xương, bại liệt, xù lông, khô da, trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, gà, vịt	MB-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	N- Fe B_{12}	Fe dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Phòng và trị chứng thiếu máu do thiếu sắt và Vitamin B_{12} trên bê, lợn con	MB-40
26	N- Bactrim	Sulphadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim gây ra	MB-41
27	N-Fasciolium	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu, gà, chó	MB-44

11. Công ty cổ phần thuốc thú y Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Viaenro - 5 inj	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ỉa chảy,..	VA-06
2	Via Quino-10	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ỉa chảy,..	VA-07
3	Tylosin 5% inj	Tylosin tartrat	Lọ	10; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD,..	VA-08
4	Chlotetrason 10% inj	Chlotetracyclin	Lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	VA-09

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Oxytetracyclin 10%	Oxytetracyclin HCL	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, dạ dày,…	VA-10
6	Via.Vitamin B_1	Vitamin B_1	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin B_1	VA-11
7	Viamectin-25	Ivemectin	Lọ	10; 20; 100ml	Tẩy các loại giun, trị các loại ký sinh trùng	VA-12
8	Tiamulin HF 10%	Tiamulin hydrogen furmarate	Lọ	10; 20; 100ml	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp như viêm phổi, suyễn, viêm màng phổi	VA-13
9	Vitamin C 5%	Vitamin C	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin C	VA-14
10	B Complex	Vitamin nhóm B	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin	VA-15
11	Spolymycin	Colistin sulfate	Lọ	10; 20;100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, vịt khẹc, thương hàn, phân trắng	VA-16
12	Nor.E.Coli	Norfloxacin HCL	Lọ	20; 10; 100ml	Phòng và trị viêm ruột, ỉa chảy, THT, đóng dấu, viêm phổi, CRD, CCRD	VA-18
13	Viamoxyl	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline	VA-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Viaprimazin	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprime và Sulfadiazine	VA-20
15	Rovamycin	Spiramycin	Lọ	5; 10; 20; 50 ; 100ml	Phòng, trị các bệnh do Mycoplasma và các vi khuẩn Gr(+), Gr(-) gây ra	VA-23
16	Glucose 30%	Glucose	Chai	10; 20; 50; 100ml	Cung cấp năng lượng, tăng sức đề kháng	VA-25
17	Via.Antibio	Ampicillinetryhydrate, Colistin (sulfat), Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường ruột, viêm phổi, đường tiết niệu cho trâu, bò, lợn, cừu, ngựa	VA-26
18	Viaflox 100	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho trâu, bò	VA-27
19	Viaquyl 60S	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-29
20	Viaflox 50	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho trâu, bò, lợn, chó	VA-30
21	Viaquino 100	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho gia cầm	VA-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
22	Viaquino 25	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho bê, nghé	VA-32
23	Vialimox	Amoxycilline (trihydrate), Colistin	Lọ	20; 50; 100ml.	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Colistin cho lợn, bê, nghé	VA-36
24	Viatylan 20%	Tylosine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-39
25	Viacolin	Kanamycine sulfat, Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycine và Colistin lợn, chó, mèo	VA-40
26	VIA.Khớp	Phenylbutazone	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, viêm màng hoạt dịch, viêm vú, tử cung	VA-45
27	VIA.Suyễn	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản trên trâu, bò, lợn	VA-46
28	VIA.Doxyl LA	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, hen suyễn trên trâu, bò, lợn	VA-47
29	Đặc trị E.coli sưng phù đầu - VIA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh sưng phù đầu trên lợn do E.coli	VA-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
30	Via. Gentamox	Amoxycilline, Gentamycin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Gentamycin	VA-52
31	Via.Gine+C	Analgine, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chữa cảm nắng, sốt cao, thấp khớp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	VA-54
32	Via.flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	VA-58
33	Viaenro-25	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên bê, nghé	VA-59
34	Via.Coccid	Sulfaquinoxalin, Pyrimethamine	Lọ	5;10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm, thỏ	VA-63
35	Chloterason	Doxycycline HCL	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-9
36	Via.cox Toltral	Toltrazuril	Lọ	10, 20, 50, 100, 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng ở gà	VA-66
37	Đặc trị E.coli sưng phù đầu	Flumequine	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-67
38	Viatril	Enrofloxacine base	Chai	10, 20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine	VA-69
39	Via. Fer dextran B_{12}	Fer dextran, B_{12}	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt ở bê và lợn con	VA-72

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
40	Via. Flosol oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp do VK nhạy cảm với Florfenicol trên lợn, gia cầm	VA-77
41	Azquinotec	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, sinh dục do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên gia cầm	VA-78
42	Az Flotec 23% oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên lợn	VA-81
43	AZ Dipafenac	Diclofenac sodium	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Hạ sốt, giảm đau trong đau bụng, bệnh đường ruột, viêm vú, viêm khớp cấp tính, mãn tính và an thần trên bò, cừu, dê, ngựa, lạc đà, chó và mèo	VA-83
44	AZ Gluco KC Bamin	Vitamin C, Calcium gluconogluco heptonate Sodium Hypophosphite	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Bổ sung Vitamin C, Calci, Phospho cho hoạt động của hệ thần kinh, cơ bắp và tim mạch. Tăng cường chuyển hóa trên bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo	VA-84
45	AZ - Meloxicam	Meloxicam	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Chống viêm giảm đau trong các bệnh về cơ, xương cấp tính và mãn tính. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, nhiễm trùng huyết trên bò, ngựa, lợn	VA-87

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
46	Ivermec 1%	Ivermectine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy giun tròn, giun phổi, giun dạ dày, giun đường tiêu hóa và các loại ấu trùng. Diệt ve, ghẻ, bọ chét, chấy rận ở bò, cừu, lợn	VA-89
47	VIA. Bromhexin	Bromhexine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tác dụng loãng đờm, tan đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	VA-90
48	VIA.Hepatol + B_{12}	Sorbitol, Methionine, Vitamin B_{12}, Vitamin B_6, Vitamin B_2	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng tiết mật, giải độc và tăng cường chức năng gan cho thú khi mắc các bệnh nhiễm trùng, sử dụng kháng sinh nhiều ngày, ngộ độc thức ăn	VA-91
49	Via.prost	Cloprostenol (sodium)	Ống, Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò, lợn	VA-92

12. Công ty TNHH Hùng Cường

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Chai	1800 viên	Bồi bổ cơ thể, tăng sức đề kháng	XHC-3
2	Levamisol 0,025g	Levamisol	Túi	20 viên	Tẩy giun	XHC-14
3	Na-flocin (Norfloxacin)	Norfloxacin	Gói	10g	Trị tiêu chảy	XHC-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	B. Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6	Gói	50g	Bổ xung các Vitamin B cần thiết	XHC-17
5	Enroflox (Enrofloxacin 2,5%)	Enrofloxacin	Gói	5, 10, 20, 50g	Trị các nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa	XHC-28
6	Thuốc tẩy giun Mebendazol	Mebendazol 2,5%	Gói	2; 4; 6; 8g	Tẩy giun sán	XHC-30
7	Trị bệnh vịt	Trimethoprim	Gói	10g, 20g, 50g, 100g	Trị các nhiễm khuẩn ở vịt, ngan	XHC-36
8	Viên hoàn đan (Bát quái đan)	Hùng hoàng, cam thảo	Gói	10g, 20g, 50g, 100g	Chống động kinh, cảm mạo, rù	XHC-38
9	Thuốc mỡ Penicillin	Penicillin	Gói	5, 10, 15, 30, 50g	Chống nhiễm khuẩn, KST ngoài da	XHC-40
10	Kích thích thèm ăn	Vitamin B_1	Gói	1, 2, 5, 10, 50, 100g	Giúp thèm ăn, bồi bổ	XHC-44
11	Tylosin 98%	Tylosin tartrat	Gói	0.5, 1, 5, 10, 20, 50, 100g	Chống nhiễm khuẩn	XHC-45
12	Tetracin 500	Oxytetracyclin	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Chống nhiễm khuẩn	XHC-46
13	Hen sưng phù đầu vịt, ngan	Tylosin	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Trị các bệnh hen, sưng phù đầu	XHC-47
14	Colismis Fort	Colistin sulfat	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Trị viêm đường tiêu hóa, trị tiêu chảy	XHC-49
15	Flutinor	Flumequine	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200g	Chống nhiễm khuẩn	XHC-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Enrocol	Enrofloxacin	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Chống nhiễm khuẩn, trị tiêu chảy	XHC-51
17	Etiaxacin	Tiamulin	Gói	5, 10, 20, 50g	Chống nhiễm khuẩn, trị tiêu chảy	XHC-52
18	Streptomycin	Streptomycin	Lọ	1g	Chống nhiễm khuẩn	XHC-1
19	Penicillin Potasium	Penicillin G-Kali	Lọ	1000.000 UI	Chống nhiễm khuẩn	XHC-2
20	Vitamin C-5%	Vitamin C	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Bồi bổ sức khỏe, tăng sức đề kháng	XHC-6
21	Vitamin B_1-2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Bồi bổ sức khỏe, tăng sức đề kháng	XHC-7
22	Cafein-Benzoat 20%	Cafein, Natri benzoat	Ống	5ml	Trợ tim, kích thích thần kinh TW	XHC-8
23	Sinh lý mặn 0,9%	Natriclorid	Lọ	50, 100ml	Bổ sung điện giải, dung môi pha tiêm	XHC-18
24	Strycnin 0,1%	Strychnin	Ống	2, 5ml	Tăng cường lực cơ, chữa suy nhược	XHC-19
25	Kanamycin Sulfat	Kanamycin sulfat	Lọ	5, 10ml	Chống nhiễm khuẩn	XHC-22
26	Gentamycin Sulfat 4%	Gentamycin sulfat	Lọ	2, 5, 10ml	Chống nhiễm khuẩn	XHC-23
27	Lincomycine 10%	Lincomycin	Lọ	2, 5, 10ml	Chống nhiễm khuẩn	XHC-24
28	Analgin 30%	Analgin	Ống	2, 5, 10ml	Hạ sốt, giảm đau	XHC-26
29	Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Lọ	5, 10ml	Chống nhiễm khuẩn	XHC-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
30	Norlox 10 (Norfloxacin 10%)	Norfloxacin	Lọ	10, 20, 30, 50ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa	XHC-31
31	Sinh huyết tố 10%	Dextran sắt	Lọ	5, 10ml	Bổ sung, điều trị các bệnh thiếu sắt	XHC-32
32	Enrofloxacin 2%	Enrofloxacin	Lọ	5, 10, 20ml	Chống nhiễm khuẩn	XHC-33
33	Levamisol 7,5%	Levamisol	Lọ	2, 5, 10ml	Tẩy giun	XHC-34
34	Colistin sulfat	Colistin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50ml	Chống nhiễm khuẩn đường tiêu hóa	XHC-43

13. Công ty cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	AD_3E Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, PP, B_6, B_5	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kích thích phát triển, phòng chống stress. còi cọc, chậm lớn, bại liệt	NGH-15
2	Vit B complex	Thiamin chloride, Pyridoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường bổ sung Vitamin nhóm B	NGH-16
3	Ampicolis	Ampicillin tryhydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột gây ỉa chảy thương hàn, Ecoli	NGH-18
4	Tylo-50	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, suyễn, CRD, viêm phổi, viêm ruột ỉa	NGH-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					chảy, đóng dấu,THT, sưng phù đầu, phân xanh, phân trắng ở gia súc gia cầm	
5	Coliseptyl	Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, cầu trùng, dung huyết, sưng phù đầu, viêm phổi	NGH-20
6	Ampisep	Ampicilline, Sulfadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng phù đầu, đóng dấu, tụ huyết trùng viêm ruột, ỉa chảy	NGH-21
7	NGH-Gentatylo	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, viêm đường hô hấp, hồng lỵ, đóng dấu E.coli, ỉa chảy	NGH-24
8	Vibramycin-Forte	Doxyxyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, hen, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm đường tiết niệu, đường sinh dục, thương hàn, ỉa chảy,..	NGH-25
9	Enro-flox	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, THT ở gia súc, gia cầm, phân xanh, phân vàng	NGH-26
10	Tylocol	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen gà, khẹc vịt, cúm gà, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi, lợn con phân trắng	NGH-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh lợn con phân trắng, E.coli, xưng phù đầu	NGH-33
12	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Lọ, ống	5; 10ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin tartrate gây ra	NGH-35
13	Analgin - 30%	Anagin (Natrimetamizol)	Lọ	5; 10; 20; 50ml; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, chống sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng, bệnh viêm phổi	NGH-40
14	Vitamine B_1 2,5%	Thiamin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu Vit B_1 gây ra, kích thích tiêu hóa, tăng tính thèm ăn	NGH-43
15	Glucose 5%	Glucose khan	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc và lợi tiểu trong các bệnh nhiễm độc cyanua, carbone dioxyde	NGH-44
16	Kanamycin-10%	Kanamycin sulfate	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	NGH-45
17	Lincomycin-10%	Lincomycin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhậy cảm với Lincomycin	NGH-46
18	Nor-Coli	Norfloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin gây ra cho trâu bò, lợn, chó	NGH-22
19	Colimycin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH-L47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Coliracin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	NGH-L48
21	B_{12}-Ferridextran	Ferridextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt gây ra trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	NGH-L50
22	Ivermectin-25	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH-L51
23	Ivermectin-50	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH-L52
24	Oxytemycin	Oxytetracycline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm móng, tử cung, viêm ruột ỉa chảy trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH-L53
25	Enroflox-10%	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột trên bê, nghé, gia cầm	NGH-L55
26	Flumequin-LA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH-L56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	Vitamin K_3	Vitamin K_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Cầm máu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-L57
28	Marbofloxacin	Marbofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột ỉa chảy, đường niệu, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NGH-L59
29	Vitamin C 5%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vit C, phòng chống stress. Nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH-L62
30	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH-L63
31	Thiamphenicol 20%	Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NGH-L66
32	Gentamox-LA	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	NGH-L67
33	Tylan-2000 LA	Tylosin tartrate	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH-L68
34	Flophenicol 30%	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NGH-L69

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
35	Spectin-5%	Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-L70
36	Bromhexin	Bromhexine HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Giảm tiết dịch nhày, giảm ho, long đờm trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH-L71
37	Gluconat-K-C	Vitamin C, K_3, Cancigluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Phòng chống bệnh thiếu Vitamin C, thiếu canxi, hỗ trợ điều trị xuất huyết đường tiêu hóa, phủ tạng trên trâu, bò, heo, gia cầm	NGH-L72
38	Dramycin	Tulathromycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	NGH-L73
39	Dexamethason,	Dexamethason natriphosphat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp, thoái hóa xương khớp, viêm thanh quản, dị ứng, bệnh viêm loét da và niêm mạc trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-L76
40	Vitamin C-10%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin C, chống Stress, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, gà, vịt	NGH-L77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
41	B_{12}Ferridex - 20%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH-L80
42	B_{12}Ferridex - 10%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH-L81
43	Toltrazuril	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên dê non, cừu non, lợn con, ga cầm	NGH-L83
44	Amoxilin-LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-L84
45	Amox-LA	Amoxycillin, trihydrate . Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hen, suyễn tụ huyết trùng, áp xe, viêm vú, viêm tử cung ỉa chảy trên bê, nghé, dê, cừu, ngựa, chó, mèo, gia cầm	NGH-L85

14. Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng
1	NC-Coli	Norfloxacin HCL	Ống, Lọ	5ml. 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn, nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó	NC-12
2	NC-Enro 10%	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	NC-13
3	NC- Novalgin	Analgin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt giảm đau, chống sốt cao	NC-14
4	Vitamin-Bcomplex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B, viêm dây thần kinh, tăng đề kháng cho cơ thể	NC-15
5	Cofecalcium 20%	Calcium gluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Canxi, liệt quỵ, trợ tim, bồi bổ sức khỏe	NC-16
6	Lincocin 10%	Lincomycin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra	NC-17
7	Kanamycin 10%	Kanamycin Sulphate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra	NC-18
8	Coli-Dox	Doxycyclin, Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NC-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng
9	NC-Karylcol	Colistin; Kanamycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, chó, mèo	NC-20
10	NC-Tracyn	Colistin, Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	NC-22
11	NC-Colitinal	Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu	NC-23
12	NC-Tyloven	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm mũi trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NC-24
13	NC-Lincoseptin	Lincomycin Spectinmycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, chó, mèo	NC-25

15. Công ty thuốc sát trùng Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tazusa	Mebendazol	Gói	2,5g	Tẩy giun cho gia súc, gia cầm	CTS-01

16. Công ty TNHH Năm Thái

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Kanamycin	Kanamycin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn	NT-6
2	Vidan T	Actimospectin, Lincomycin,	Ống, chai	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh hen, suyễn lợn, CRD, sưng phù đầu gà, nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	NT-12
3	T.Gastron. Thái	Ampicillin sulphate, Colistin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml 0,5; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị nhiễm trùng huyết, viêm khớp, viêm phổi, viêm teo mũi lợn, THT, bạch lỵ	NT-16
4	T.Tere	Colistin sulphate, Spectinomycin HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng, phù thũng, thương hàn, viêm ruột, tụ huyết trùng	NT-17
5	Spyracin. Thái	Spiramycin, Sulphadimidin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị CRD, CCRD, khẹc vịt, bạch lỵ, thương hàn, THT, viêm phổi	NT-18
6	Flugen.Thái	Flumequin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm khớp, thương hàn, tụ huyết trùng,….	NT-20
7	T.Enro. Thái	Enrofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Pasteurellosis, Mycoplasmosis, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu	NT-21
8	T.Enteron	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Bromhexin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-10

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	T.T.S Năm Thái	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-11
10	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-22
11	Flumequin-20	Flumequine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-23
12	T.Avibrasin	Doxycyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, THT trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-26
13	T.Metrion	Neomycin sulfate, Benzalkonium clorid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm tử cung, âm đạo, đường niệu trên lợn nái, trâu, bò cái	NT-27
14	Dysentery	Neomycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị tiêu chảy, viêm ruột trên lợn con	NT-30
15	Norflox-10	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, niệu sinh dục, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-31
16	Tialin. Thái	Colistin, Tiamulin,	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	NT-33

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	Amoxycillin	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm phế quản, thanh quản, nhiễm trùng huyết, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	NT-34
18	T.C.K	Kanamycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo	NT-35
19	Vitamin D_3	Vitamin D_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin D trên trâu, bò	NT-36
20	T. Oxyvet.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-37
21	T.Ivermectin 1%	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	NT-38
22	T.Amoxycol	Amoxicilline, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, niệu - sinh dục, nhiễm trùng huyết, MMA trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	NT-40
23	T.Amoxigen	Amoxicilline, Gentamicin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột, ỉa chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, lợn. dê, cừu	NT-41

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Flophenicol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-42
25	T.Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-43
26	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	1; 2; 3; 5; 10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, lợn	NT-44
27	T.Diatrizon	Sulphadiazin, Trimethoprim	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-45
28	Linco-Gen L.A	Gentamycine, Lincomycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, THT, đóng dấu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-46
29	Calci+Vit.B_{12}	Calci gluconate, Vitamin B_{12}, Glucose	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh thiếu canxi, thiếu máu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-47
30	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do thiếu Vit B_1 trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-48
31	Vit.C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	NT-49
32	Calci + C	Calci gluconate, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng, trị bệnh thiếu canxi, vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-50

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
33	A.D_3.E. Thái	Vitamin A, D, E	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-51
34	Analgin+ Vit C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-52
35	Flodo.vet	Florfenicol, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	NT-54
36	D.O.C Thái	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, viêm tử cung, tiêu chảy, THT, viêm màng phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-55
37	Macavet	Florfenicol, Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viên tử cung, viêm đạo, viêm màng não	NT-56
38	Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-57
39	Thái-Cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Phòng và trị cầu trùng gà	NT-62
40	Dexa. Thái	Dexamethason acetate	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm trong các trường hợp viêm khớp, thấp khớp, viêm gan cấp tính và mãn tính ở trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NT-63

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
41	Atropine 0,1%	Atropine sulfate	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Giảm trương lực cơ trơn, giải độc, giảm tiết dịch	NT-64
42	Nước sinh lý	NaCL	Lọ, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Dung môi pha thuốc tiêm	NT-65
43	Vitamin K 1%	Vitamin K	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Trị rối loạn đông máu do thiếu hụt vitamin K	NT-66
44	Sul-depot	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprim gây ra trên gia cầm	NT-71
45	Calci-Mg	Calcium gluconat, Magnesium	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và điều trị các bệnh do thiếu calci, magie, phospho	NT-72
46	Antifaciolid (Đặc trị sán lá gan)	Nitroxinil	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị sán lá gan trên trâu, bò, cừu, dê, gia cầm, chó	NT-73
47	T.M.T (tiên mao trùng)	Diminazen aceturat, Antipyrin	Chai	20ml (Diminazen aceturat: 1,05g; Antipyrin: 1,31g)	Trị ký sinh trùng đường máu trên gia súc	NT-74
48	Dicofen-NT	Diclofenac Na	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị viêm khớp, viêm xương khớp, rối loạn cơ xương, hội chứng đau dây hông trên trâu, bò, ngựa, chó, mèo	NT-75

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
49	Butamin-NT	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược do rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-76
50	T. Clorost	Cloprostenol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa	NT-77
51	Romazin	Acepromazine maleate,	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, giảm đau, an thần	NT-78
52	Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thúc đẻ, tăng co bóp dạ con, kích sữa	NT-79
53	Anti-cox	Sulfaquinoxalin, Pyrimethamin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2lít	Phòng và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, vịt, chim	NT-80
54	Digicofin-NT	Caffeine, Natri Salicylate, Ephedrine Hydrochloride, Digitoxin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Suy tuần hoàn cấp tính, sự sống bị đe dọa, đau bụng, phẫu thuật, Bệnh tim mạch do nhiễm trùng, Dự phòng sau khi gây mê nếu lượng thuốc gây mê vượt quá ngưỡng cho phép	NT-81
55	Estradiol	Estradiol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kích dục tố	NT-82

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
56	Furomid	Furosemid	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các chứng gây phù do bất kỳ nguyên nhân nào, lợi tiểu, trị chứng báng nước	NT-83
57	Progest	Progesteron, Vitamin E	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Các nguy cơ bị sảy thai, điều chỉnh chu kỳ động đực, chống rụng trứng giả	NT-84
58	Tulavet	Tulathromycin, Monothioglycerol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm kết mạc trên trâu bò, lợn	NT-85

17. Cơ sở sản xuất thuốc thú y Minh Tuấn I

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Emitan	Kháng sinh	Gói; hộp	5g; 10g	Chống tiêu chảy	TV-01
2	ODP (Phòng trị toi gà)	Kháng sinh thực vật	Gói; hộp	5g; 10g; 100g	Phòng chống gà rù	TV-02

18. Công ty cổ phần Hải Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	HN-Lincocin	Lincomycin	Lọ	20; 100; 250; 500ml	Đặc trị hen gà, suyễn lợn	HN-25
2	HN-Bcomplex	B_1; B_2; B_5; B_6; PP	Lọ	20; 100; 250; 500ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu cho gia súc gia cầm	HN-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	HN-Neo	Neomicin sulfat	Lọ	10; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng lợn con	HN-17
4	HN-TCG	Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Chữa gà rù, cảm cúm gà, vịt, ngan ngỗng	HN-18
5	HN-Ecoli	Enrofloxacin HCL	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị bệnh do E.coli: sưng mặt phù đầu lợn, tiêu chảy	HN-19
6	HN-Tylo	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị tiêu chảy gia súc, gia cầm	HN-20
7	HN-Flu	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị bệnh phó thương hàn lợn	HN-21
8	HN-Colis	Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị bệnh tiêu chảy của chó	HN-22
9	HN-Phenyl	Phenyl Butazol	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Giảm viêm, hạ sốt, an thần	HN-24
10	HN. Mycos	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, lợn, chó, gia cầm	HN-5
11	HN.Imectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HN-31
12	HN.Amoxyla	Amoxycilline trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, nhiễm trùng vết thương, hội chứng MMA trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo	HN-33
13	HN.Enro 50T	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó	HN-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	HN.Ampixyla	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, máu, vết thương trên trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn	HN-35
15	HN.Enro 100T	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, các bệnh ở khớp trên trâu, bò, lợn, chó	HN-36
16	HN. Primera	Trimethoprim, Sulfadiazin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	HN-37
17	HN-Doxy.LA	Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HN-39
18	HN- Neopha	Neomycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do E.coli, viêm vú, viêm tử cung trên ngựa con, bê, nghé, lợn	HN-40
19	HN- Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị cảm, sốt, đau khớp, tăng hiệu quả điều trị khi kết hợp với kháng sinh, chống Stress trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	HN-44

19. Cơ sở sản xuất thuốc thú y Thịnh Phương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	TTC Vịt (trị tiêu chảy)	Norfloxacin, mộc hương, quế chi	Gói	5; 10; 20g	Trị viêm ruột, tiêu chảy gia súc	TP-04
2	Amiulo	Chi ma, ngò, xuyên sơn giáp	Gói	50; 100; 500; 1kg	Kích sữa gia súc nuôi con	TP-22
3	Thuốc chữa bệnh gà toi (THT)	Sulfadimezin, mộc hương, quế chi	Gói	5; 10; 100; 1000g	Chữa bệnh tụ huyết trùng và nhiễm khuẩn đường ruột gia cầm	TP-05

20. Công ty TNHH Tân Minh Hà

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Thuốc chữa bệnh gà toi (THT)	Sulfa dimezin, mộc hương, quế chi	Gói	5; 10; 100; 1000g	Chữa bệnh tụ huyết trùng và nhiễm khuẩn đường ruột gia cầm	TMH-1
2	Tiêu chảy gia súc, gia cầm Kfumin)	Bột đông y, Sulfamid	Gói	5; 10; 20; 100g	Chữa bệnh tiêu chảy của gia súc, gia cầm	TMH-2
3	Thuốc đa giá tảy giun sán chó, mèo	Mebendazol, Sulfamid	Gói	2g	Tẩy các loại giun tròn và sán dây chó, mèo	TMH-5
4	TGS 2,5% tẩy giun sán gia súc, gia cầm	Albendazole	Gói	1; 1,5; 2; 3; 5; 7g	Tẩy giun đũa, giun tóc, giun móc, giun dạ dày và giun phổi	TMH-6
5	Tảy trừ sán lá gan và sán lá tuyến tụy (Dectin)	Jenten	Viên	350mg	Tẩy sán lá gan và sán lá tuyến tụy trâu, bò, dê, cừu	TMH-7

21. Cơ sở sản xuất thuốc thú y Hải Đăng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sultrep	Sulfamethoxazol, Streptomycin sulfat	Gói	7g	Trị bệnh tiêu chảy, phân trắng, CRD	HĐ-3
2	B.Complex	Vitamin C, B_2, B_6, PP, Methionin	Gói	50g	Phòng trị các bệnh thiếu Vitamin, tăng trọng	HĐ-6
3	Penicillin Potassium	Penicillin	Lọ	1.000.000UI	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr (+)	HĐ-1
4	Streptomycin Sulfat	Streptomycin	Lọ	1g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr (-)	HĐ-2

22. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược thú Y NASA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	NN-Enro 10 (uống)	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít.	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột. Bệnh nhiễm trùng đường sinh dục trên gia cầm.	NN-16
2	Ferridextran - 5% + B_{12}	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu sắt, thiếu máu do nhiễm trùng, ký sinh trùng hoặc do mất máu	NN-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	NN- Enro 5	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít.	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh ở khớp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó, mèo	NN-17
4	NN-Enro 10 (tiêm)	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít.	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh ở khớp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó, mèo	NN-15
5	NN-Polymycine	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít.	Trị bệnh dạ dày - ruột do các vi khuẩn Gr (-) nhạy cảm với Colistine trên bê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm	NN-18
6	Norcoli	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+) và Mycoplasma	NN-25
7	NASA-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100ml.	Hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng cấp, kháng viêm, chống Stress, giảm đau trên trâu, bò, heo, dê, cừu	NN-30
8	NASA-Flordox Inj	Florfenicol Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml.	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, lợn, chó, mèo	NN-32
9	NASA-Anticoli-Cosy	Tylosin tartrate Colistin sulfate Fe Dextran	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml, 120; 200ml.	Trị tiêu chảy, phòng thiếu sắt trên heo con	NN-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
10	NASA-Amoxin L.A 20	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml.	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu do Campylobacter, Clostridium, Corynebacterium, E. Coli, Erysipelothrix, Heamophilus, Pasteurella, Salmonella, Penicillinase negative Staphylococcus và Streptpcoccus spp gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NN-34

23. Trung tâm chuyển giao công nghệ, hội thú y Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Gói	100g	Bổ sung vitamin	TCCT-1
2	Narmax	Natri citrat, $NaSO_4$, $NaCO_3$	Gói	10, 20g	Nhuận tràng	TCCT-4
3	Fasciolin	CCL_4	Gói	8 viên	Tảy sán lá gan	TCCT-5
4	Anti-Coli	Tiamulin, Chlotetracycline	Gói	10g	Chữa ỉa chảy cho gia súc, gia cầm	TCCT-8
5	Ampi de Coli	Ampicillin, Colistin	Gói	10g	Trị bệnh ỉa chảy của lợn, gà, vịt (phân trắng, xanh, nhớt)	TCCT-10
6	TTTC	Chlotetracycline	Gói	10g	Trị tiêu chảy	TCCT-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
7	Trị cầu trùng	Sulfachloropyridazin, Colistin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị cầu trùng	TCCT-12
8	L-B Complex	Vit B_1, B_2, B_5, B_6, PP; Lysine; Methionin	Gói	50; 100g	Bổ sung vitamin	TCCT-13
9	XOMIX-HT	Sulfamid	Gói	20; 50; 100; 200g	Trị bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	TCCT-19
10	Hen gà- Suyễn lợn- Trị ỉa chảy	Tetracyclin HCL, Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	TCCT-20
11	Tylosin tartrat	Tylosin tartrat	Ống, Lọ	0,5g, 0,5g, 10g	Chữa hen	TCCT-3

24. Cơ sở hóa sinh dược thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Entega	Glotanin; Elagotanin	Gói	4g	Chữa kiết lỵ, ỉa chảy gia súc, gia cầm	HD-02
2	Năm sao (Five starts)	Sulfaguanidin, Methoprim	Gói	5; 10	Trị các bệnh truyền nhiễm, chống nhờn thuốc	HD-04
3	Kích phát tố	Bột gừng khô; bột giềng khô	Gói	7g	Tăng cường phát dục cho gia súc, gia cầm	HD-05
4	Polycal	Khoáng; glucose	Lọ	12ml	Chữa bại liệt gia súc	HD-01
5	Agavi	Colistin sulfate	Lọ	10; 100ml	Chữa ỉa chảy gia súc	HD-03

25. Xưởng SXTN thuốc thú y - viện thú y quốc gia

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VTY-Norflox 500	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, bại liệt, xuất huyết	VTY-X-5
2	VTY-Colis 200	Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng lợn con, phù đầu lợn, viêm nhiễm đường tiêu hóa, sinh dục tiết niệu ở gia súc, gia cầm	VTY-X-6
3	Strichnin sulfat 0,1%	Strichnin sulfat	Ống	5ml	Kích thích thần kinh trong các chứng nhược cơ, liệt cơ, bại liệt, suy nhược	VTY-X-12
4	Urotropin 5%	Urotropin	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Sát trùng đường niệu, đường mật và đường ruột	VTY-X-13
5	Long não nước 10%	Compoza	Ống	5ml	Trợ tim trong suy nhược cơ thể, các bệnh ỉa chảy ở gia súc lớn	VTY-X-16
6	VitaminB1 (1,25%; 2,5%)	Vitamin B1	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin B1	VTY-X-17
7	Cafein Natri Benzoat (20%)	Cafein Natri Benzoat	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Dùng khi bị bệnh nặng kèm theo suy nhược, mệt, suy tim, choáng,…	VTY-X-18
8	Vitamin C (5%)	Vitamin C	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin C	VTY-X-20
9	Bcomplex tiêm	Vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5, 20; 50; 100ml	Phòng trị thiếu vitamin	VTY-X-23
10	Oxytetracyclin chlohydrat	Oxytetracyclin chlohydrat	Lọ	500mg	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) và Gram (-) gây ra	VTY-X-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Pylocarpin Hydroclorit 1%	Pylocarpin	Ống	5ml	Chữa đau bụng ở ngựa, liệt dạ cỏ ở loài nhai lại, tắc thực quản	VTY-X-25
12	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Ống	5ml, 50ml, 100ml	Dùng pha thuốc bột để tiêm	VTY-X-31
13	VTY-Colimed	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị phân trắng lợn con, phù đầu lợn, tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	VTY-X-37
14	VTY-Sulfadimidin	Sulfadimidin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng, THT, viêm ruột, viêm phổi trên bê, nghé, thỏ, lợn, gia cầm	VTY-X-11
15	VTY- Flox oral	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, khớp trên trâu, bò, gia cầm	VTY-X-38

26. Công ty CP thuốc thú y Đức Hạnh (Marphavet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Martrill 10%	Enrofloxacin	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm khớp, viêm đường hô hấp cho trâu, bò, lợn, nhiễm trùng đường tiết niệu ở chó	MAR-22
2	Alflox oral	Norfloxacin base	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn, viêm khớp bò do M. bovis, nhiễm trùng niệu	MAR-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Markacolis	Kanamycin, Colistin	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị THT trâu bò, ỉa chảy trên gia súc, chó, mèo và bạch lỵ ở gà	MAR-7
4	Quinocoli	Norfloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MAR-12
5	Martrill 5%	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	MAR-13
6	Nor.ecoli	Norfloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, khớp trên trâu, bò, lợn, chó	MAR-14
7	Martylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MAR-1
8	Marphamox-LA	Amoxycillin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	MAR-2
9	Marfluquine	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Flumequinetrên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm	MAR-4
10	Colimar.inj	Colistin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, thỏ, gia cầm	MAR-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Martin LA	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên bò	MAR-23
12	Mar-Cetius-new	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo	MAR-24
13	Marenro 10	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng sinh dục trên gia cầm	MAR-26
14	Marzurilcoc	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	MAR-27
15	Big coc	Sulfadiazine, Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprime	MAR-29
16	Mar-Flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	MAR-30
17	Marnagin-C	Dipyrone	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Thuốc giảm đau cho trâu bò, lợn và chó	MAR-31
18	Marphamox-gen LA	Amoxicilline, Gentamycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline, gentamycin trên trâu, bò, lợn	MAR-36
19	Colicoc	Sulfadimidine Sulfaquinoxaline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine, Sulfa-quinoxaline trên gia cầm	MAR-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Mectin-27	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị ký sinh trùng nhạy cảm với Ivermectin như giun tròn, giun phổi, chấy, rận và bọ ve	MAR-38
21	Marflovet	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn gram(-) và gram(+) mẫn cảm với Florfenicol gây ra trên lợn, gia cầm	MAR-40
22	Oxtaxin 5%	Oxytetracycline (HCL)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo	MAR-41
23	Marflo-45%	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò	MAR-42
24	Martylan@	Tylosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosine gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	MAR-43
25	Enroflocin	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra trên bê	MAR-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
26	Doxy-Hencoli	Doxycycline (hyclate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên lợn, gà	MAR-48
27	Toltracoccis	Totrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên lợn con	MAR-54
28	Methocin - Tri	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Trimethoprime và sulfadimethoxine trên gia cầm, thỏ	MAR-57
29	Trisulfa	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadime-thoxine trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo	MAR-58
30	Nanococ	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với trimethoprime và sulfadime-thoxine trên thỏ	MAR-59
31	Nanococcis	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaquinoxaline trên gia cầm	MAR-60
32	Coli- Ly	Colistin (sulfate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với colistine trên bê, lợn, cừu, gia cầm	MAR-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
33	E.coli-Viêm	Colistine Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm vơi Colistine và Ampiciline gây ra trên bò, cừu, dê, lợn	MAR-65
34	Cefadog	Cefalexine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn mô mềm, nhiễm trùng da, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm trùng đường tiết liệu trên chó, mèo	MAR-72
35	Nanocoli	Sulfadimidine Suulfaquinoxa-line	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfa-quinoxaline trên gia cầm	MAR-73
36	Nanotylan	Tylosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa, viêm vú trên trâu,bò, dê, cừu và lợn.	MAR-74
37	Nanoflocin	Flofenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	MAR-77
38	Ceptyl	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur trên trâu, bò, lợn	MAR-82
39	Nanomoxcoli	Amoxicilline Colistine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng huyết, nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm tĩnh mạch trên bê, lợn, chó, mèo	MAR-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
40	Marfluquyl	Flumequine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp và tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với flumequine trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn và gia cầm	MAR-85
41	Nanoenro	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm da, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, lợn, chó	MAR-86
42	Enrohen	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra	MAR-88

27. Công ty cổ phần Provet Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxpro-LA	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhậy cảm với Amoxycilline trên gia súc, lợn, cừu, chó, mèo	PRO-02
2	Proxacine	Norfloxacine, Acid lactic	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn, Mycoplasma nhậy cảm với Norfloxacine trên trâu, bò, lợn, chó	PRO-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Enrotril 10%	Enrofloxacine	Lọ	10; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn, Mycoplasma nhạy cảm với Enrofloxacine trên gia cầm	PRO-04
4	Ampicolis-LA	Ampicilline trihydrate, Colistin sulphat, Dexa	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Colistin	PRO-05
5	Proenro 10%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm Enrofloxacine gây ra	PRO-06
6	Promesul	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazine gây ra	PRO-07
7	Prokana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò; chó, mèo	PRO-11
8	Ampigen-LA	Ampicilline trihydrate, Gentamycine sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Gentamycine trên trâu, bò	PRO-12
9	Provit	Vitamin A, D_3 , E	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin A, D_3, E trên gia súc, dê, cừu, lợn, thỏ	PRO-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	Protylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	PRO-14
11	Promequin-LA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	PRO-15

28. Công ty cổ phần thuốc thú y Đất Việt

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	V-Top.E^{+}	Neomycine, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycine và Oxytetracycline trên bê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-1
2	V-T.Cocid	Trimethoprim, Sulfadimethoxine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn con, gà, thỏ	Vietvet-2
3	V-T.Cosvit	Trimethoprim, Sulfachloropyridazine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, viêm phổi trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-3
4	V-Restop	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị viêm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	V-Ampi-Col.I	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, hội chứng MMA trên bò, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-5
6	V-T.Ngan Vit	Oxytetracycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, khớp, da trên lợn, gia cầm	Vietvet-6
7	V-Ampi-Col.E	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên bò, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-7
8	V-TTS	Spiramycin, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Oxytetracycline trên lợn, bê, gà, vịt, ngan	Vietvet-8
9	V-Gendoxy. T	Doxycycline, Gentamycin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gà, ngan, vịt	Vietvet-9
10	V-T.Flo 40S	Florfenicol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên lợn	Vietvet-10
11	V-T.Nấm phổi	Nystatin	Gói, lon	5; 10; 20 ;50; 100; 500g; 1kg	Phòng trị nấm trên gia cầm	Vietvet-11
12	V-T.Flu 100S	Flumequine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, gia cầm	Vietvet-12
13	V-T.Coc 300S	Sulfachloropyra-zine	Gói, lon	5; 10; 20 ;50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn trên gà	Vietvet-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
14	V-T.Sacoli	Neomycin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20 ;50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu non, dê non, heo, gia cầm, thỏ	Vietvet-14
15	T.T.S Blue	Spiramycin, Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, dê, cừu, dê, gia cầm, thỏ	Vietvet-15
16	T.Leva-GS	Levamisol	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Phòng và trị giun dạ dày - ruột, phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	Vietvet-16
17	T. Amo-Coli	Amoxicilline, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh dục trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-17
18	T. Doxin 200	Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-18
19	Doxy 50%-HP	Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-19
20	T.Amoxy 50%	Amoxicilline	Túi, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10 kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, hồng lỵ, nhiễm trùng máu, viêm nhiễm đường tiết niệu, viêm da trên lợn	Vietvet-20
21	Anticoc 100 HP	Sulfadimethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn con, gia cầm, thỏ	Vietvet-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
22	T. Gendox 20/20	Gentamycin, Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-22
23	T. Dotylo Extra	Doxycyclin, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-23
24	T.Amoxy 150	Amoxicilline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn niệu sinh dục trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-24

29. Công ty CP dược phẩm xanh Việt Nam (Greenpharma)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Encin-100 inj	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 120, 100, 500ml, 1 lít	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm đường tiết niệu trên gia súc, gia cầm	GRP-3
2	Norcin	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 100, 120, 500ml, 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi E.coli, Salmonella, Mycoplasma, Streptococi, Clostridia	GRP-4
3	Encin 100	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 100, 120, 500ml, 1 lít	Trị hen, Coryza, Salmonella trên gia cầm. Viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, đường tiết niệu trên gia súc	GRP-5

30. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (Pharmavet CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxycolison-F	Doxycyclin, Colistin Dexamethason	Ống lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phó thương hàn, tụ huyết trùng, E coli, sưng phù đầu	Phar-06
2	Doxyvet-L.A	Doxycyclin	Ống lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm khớp, phế quản phổi, vú, tử cung	Phar-12
3	Kanamulin	Kanamycin, Tiamulin	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị hồng lỵ, tụ huyết trùng, hen suyễn, tiêu chảy phân trắng	Phar-13
4	Doxytyl-F	Doxycyclin, Tylosin	Ống lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị lepto, hen suyễn, phó thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy	Phar-14
5	Kanamycin-10	Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	Phar-15
6	Phartylan-100	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	Phar-16
7	Gentamicin-5	Gentamicin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Gentamicin	Phar-17
8	Lincocin 10%	Lincomycin	Ống,lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin	Phar-23
9	Phargentylo-F	Gentamicin, Tylosin	Ống; lọ	5; 10; 20; 50ml 100ml	Trị viêm phế quản, phổi, tiêu chảy, viêm ruột, suyễn, E.coli, phó thương hàn	Phar-24
10	Phar-Complex C	Vitamin B, C	Ống lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, trị còi cọc kém ăn chậm lớn, suy gan, tăng sức đề kháng	Phar-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	ADE-Bcomplex	Vitamin A, B, D, E	Ống lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, trị còi cọc, kém ăn chậm lớn, giảm đẻ, tăng sức đề kháng	Phar-27
12	Phar-nalgin C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	5,10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, tăng sức đề kháng	Phar-28
13	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin B_1	Phar-31
14	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin C	Phar-32
15	Vitamin K_3 1%	Vitamin K_3	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	Phar-33
16	Pharmectin	Ivermectin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nội và ngoại ký sinh trùng	Phar-38
17	Phar-norcin 200	Norfloxacin	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml 500 ml, 1 lít, 5 lít	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin	Phar-39
18	Fertran-B_{12}	Sắt (Fe), Vitamin B_{12}	Ống, chai	2;5; 10; 20; 50ml; 100; 250; 500ml	Phòng, trị bệnh do thiếu sắt ở gia súc non	Phar-41
19	Lidocain Inj	Lincocain HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Gây tê, giảm đau	Phar-42
20	Nitroxynil Inj	Nitroxynil	Ống Lọ	5; 10; 20; 50ml 100; 250; 500 ml	Trị sán lá gan, sán lá ruột, giun xoăn, giun kết hạt, giun móc ở gia súc, lợn, chó	Phar-47
21	Pharsulin	Tiamulin	Ống Lọ	10; 20; 50ml; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hồng lỵ, suyễn, viêm màng phổi, viêm khớp, Lepto của lợn	Phar-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
22	Supermotic	Oxytetraxyclin Tylosin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin, Oxytetraxyclin	Phar-02
23	Norflo-T.S.S	Tiamulin, Colistin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin, Colistin	Phar-04
24	Phardiasol	Neomycin, Colistin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Colistin	Phar-07
25	Phar-D.O.C	Colistin, Oxytetraxyclin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Oxytetraxyclin	Phar-08
26	Lincoseptin	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm phế quản phổi, E.coli, kiết lỵ	Phar-10
27	Phar-S.P.D	Colistin, Kanamycin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Kanamycin	Phar-11
28	Pharseptyl-L.A	Sulfamethoxypyridazin Trimethoprim	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với TMP và S.Methoxypyridazin	Phar-36
29	Enroseptyl-L.A	Enrofloxacin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	Phar-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
30	Bocinvet- L.A	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên trâu, bò, lợn	Phar-57
31	Phar- Pulmovet	Theophylin, Terpin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị ho, khó thở trên trâu, bò, cừu, lợn, chó, mèo	Phar-61
32	Pharti-P.A.I	Ketoprofen	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Thuốc kháng viêm, giảm đau trên trâu, bò, ngựa, lợn	Phar-62
33	Oxyvet-LA	Oxytetracyclin HCL	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản, viêm khớp, hô hấp, THT, viêm vú, viêm tử cung, lepto	Phar-63
34	Phar- Nagin	Dipyron	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa lợn, chó, mèo.	Phar-64
35	Phar- Moxicla	Amoxycilin, Clavulinic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	Phar-65
36	Pharcolapi	Ampicilin, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilin, Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	Phar-66
37	Prenacin	Spiramycin adipat	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản phối, viêm vú, viêm tử cung, đóng dấu, viêm khớp, viêm dạ dày ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo	Phar-67
38	Phartropin	Atropin sulfate	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống co thắt, dạ dày, ruột non, ruột già, vô niệu do co thắt trên ngựa, lợn, chó	Phar-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
39	Etox-Pharm	Deltamethrin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị nhiễm ký sinh trùng ngoài da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	Phar-69
40	Furo- Pharm	Furosemid	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị phù thũng trên bò, ngựa, lợn, chó, mèo	Phar-70
41	Pharm-Cox	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên bê, nghé, lợn con	Phar-73
42	Coli- Flox	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate, Atropin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, lợn	Phar-74
43	Dexa-Pharm	Dexamethasone natri phosphat	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị dị ứng, viêm nhiễm độc, kích thích đẻ trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	Phar-75
44	Prenacin II	Spiramycin adipat	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-76
45	Coli- Flox Pharm	Flumequin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm	Phar-77
46	Mectin- Pharm	Ivermectin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên bò, lợn, dê, cừu	Phar-78
47	L.S-Pharm	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin và Lincomycin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	Phar-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
48	Combi-Pharm	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexa, Chlopheniramin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	Phar-80
49	Phar- Combido	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexa, Chlopheniramin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, nhiễm khuẩn đường ruột trên lợn con, chó, mèo, gia cầm	Phar-81
50	Pharthiocin	Thiamphenicol, Oxytetracyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, PTH, THT, viêm phổi, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-82
51	Bocin-Pharm	Florfenicol, Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-83
52	Pharm-cox G	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh cầu trùng gà	Phar-85
53	Pharnalgin - Max	Acid tolfenamic	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, chống viêm, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	Phar-92
54	Giamho-T	Bromhexin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Long đờm, giảm ho gia súc, kết hợp điều trị nhiễm khuẩn hô hấp	Phar-96
55	Talu-Pharm	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng lực, trị còi cọc, suy nhược, thiếu máu gia súc, gia cầm	Phar-100
56	Anta-Pharm	Promethazin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	An thần, chống dị ứng trên gia súc, gia cầm	Phar-101

31. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin	Colistin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết, THT trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu. Sưng phù đầu do E.coli	TW-XI-70
2	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống	5, 50, 100ml	Trị tê phù, đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể, rối loạn tiêu hóa	TW-XI-36
3	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Lọ	5ml	Trị tê phù, đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể, rối loạn tiêu hóa	TW-XI-62
4	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5, 50, 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin C, tăng sức đề kháng, chống Stress	TW-XI-37
5	Cafein Natri Benzoat 20%	Cafein natri benzoat	Ống	5, 50, 100ml	Trợ tim, phù thũng, tích nước nội tạng, giải cứu khi trúng độc thuốc mê	TW-XI-38
6	Long não nước	Nacampho sulphnat	Ống	5ml	Chữa các bệnh hệ tuần hoàn, hô hấp	TW-XI-39
7	Atropin Sulfat 0,1%	Atropine	Ống	2ml	Giảm đau các bệnh đường tiêu hóa, giải độc, điều hòa nhu động ruột	TW-XI-40
8	Strychnine sulfat 0,1%	Strychnine sulfat	Ống	2ml	Trị tê liệt, bại liệt, điều hòa tiêu hóa , hô hấp, tuần hoàn	TW-XI-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Pilocarpin hyđrochlorid 0,1%	Pilocarpin	Ống	5ml	Trị chướng bụng , đầy hơi, tăng cường bài tiết, tăng nhu động ruột	TW-XI-42
10	Novocain 3%	Novocain	Ống	5ml	Gây tê tại chỗ để giải phẫu, giải đau	TW-XI-43
11	Sinh lý ngọt	Đường gluco	Lọ	20; 50; 100ml	Truyền khi nhiễm khuẩn cấp, ngộ độc, truy mạch	TW-XI-45
12	Rượu cảm	Quế, gừng	Lọ	50; 100ml	Trị cảm lạnh, kích thích tiêu hóa, tuần hoàn hô hấp	TW-XI-48
13	Cồn long não	Nacampho sulphunat	Lọ	20; 50; 100ml	Xoa các vùng sưng, đau, bong gân	TW-XI-50
14	Phuxin	Tylosin	Lọ	20, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, Mycoplasma	TW-XI-60
15	Colinorxin	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm thận, bàng quang, niệu đạo do lậu cầu khuẩn, bệnh khớp do M. bovis	TW-XI-69
16	Norfloxacin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng đường sinh dục	TW-XI-71
17	Phugenta	Gentamicin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, phế quản, phổi trên bê, nghé, tiết niệu trên chó, mèo	TW-XI-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Spectinomycin 10%	Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin trên bò, ngựa, dê, cừu, lợn	TW-XI-86
19	Tiamulin 20%	Tiamulin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm khớp trên lợn	TW-XI-87
20	Enro 50	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, nhiễm trùng tiết niệu trên chó	TW-XI-88
21	Tylosin 200	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên bò, dê, cừu, lợn	TW-XI-89
22	Vetva Analgin C	Analgin Vitamin C	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	TW-XI-92
23	Vetva Tylogen	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục (hội chứng MMA)	TW-XI-94
24	Vetva-Flor oral	Florphenicol	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	TW-XI-96
25	Vetva Lincospec 150	Spectinimycin, Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, chó, mèo, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW-XI-97

32. Công ty cổ phần Sóng Hồng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_1	Vitamin B_1 (2,5%)	Ống	5; 50; 100 ml	Thuốc bổ tăng lực	SH-14
2	Vitamin C	Vitamin C (5%)	Ống	5; 50; 100 ml	Thuốc tăng lực	SH-15
3	Cafein Na. benzoat	Cafein natri benzoat 20%	Ống	5; 50; 100 ml	Thuốc trợ tim	SH-16
4	Atropin Sulfat	Atropin sulfat (0,1%)	Ống	2,5 ml	Thuốc chống co thắt	SH-40
5	Strychnin Sulfat	Strychnin sulfat (0,1%)	Ống	2,5; 5 ml	Thuốc tăng trương lực cơ	SH-41
6	Glucose	Glucose (30%)	Ống, lọ	5; 10; 100 ml	Chống mất nước điện giải	SH-42
7	Urotropin	Urotropin	Ống	2,5 ml	Chống nôn	SH-44
8	SH-Tylogenta	Gentamycin, Tylosin, Dexamethazol	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	SH-61
9	SH-tiakanalin	Kanamycin, Tiamunin	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp	SH-62
10	SH-Kana-Colin	Kanamycin, Colistin, Dexa	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	SH-63
11	Gentamycin	Gentamycin	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp	SH-65
12	Kanamycin	Kanamycin	Lọ	5;10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp	SH-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Septotryl-24	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, lợn, chó, mèo, gia cầm	SH-75
14	Levasol	Levamisol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu	SH-76
15	Spectyl-LC	Spectinomycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn Gr(-) gây bệnh đường ruột trên lợn con, dê con, cừu con	SH-78
16	Imectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	SH-79
17	Enrotryl	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	SH-80
18	ADE Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6,	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin	SH-81
19	Anagin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp giảm đau, hạ nhiệt, tăng đề kháng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, gà, vịt	SH-82
20	Aminovit-SH	Vitamin B_1, B_6, B_{12}, B_2	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin	SH-83
21	Marbolox-For	Marbofloxacine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò	SH-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
22	Sohofloxacin	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng đường sinh dục trên bê	SH-39
23	Eracin	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1 lít	Trị bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin.	SH-46
24	Lin- Spec for	Lincomycin, Spectinomycin,	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, gia cầm	SH-57
25	No- 10	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường ruột trên gia cầm	SH-67
26	Coli- SP	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	SH-68
27	Enro- 10	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	SH-69
28	SH- Norcoli	Neomycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt	SH-59
29	SH- Ecoligen	Gentamycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, tiết niệu, đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	SH-60
30	Flo D.O.Sol	Doxycyclin, Flofenicol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol và Doxycyclin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, chó, mèo	SH-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
31	T-T-S Inj	Tylosin, Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, lợn, cừu, dê	SH-64
32	Oxymycin- LA	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, lỵ, viêm dạ dày - ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SH-96
33	Lincomycin	Lincomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên lợn, chó, mèo	SH-99
34	Doxy 100-LA	Doxycyclin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SH-101
35	Enrocin	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột bê, nghé, lợn, chó.	SH-102
36	Tia-100 inj	Tiamulin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị suyễn, hồng lỵ, viêm khớp trên lợn	SH-104
37	Flumeq	Flumequine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SH-105
38	Oxylox	Oxytetracyline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn trên lợn, gia cầm do vi khuẩn gram âm, gram dương gây ra	SH-110

33. Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	OTC	Oxytetracyclin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa ở bê, lợn, trâu, bò, ngựa, dê, cừu	Hitech-1
2	Eryxazol	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10, 20, 50, 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfamethoxazol ở lợn, bê, chó mèo	Hitech-2
3	Linspec	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp gây ra bởi Mycoplasma và vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin cho lợn, trâu, bò cừu, dê, chó	Hitech-4
4	Enrotex	Enrofloxacin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp bệnh đường ruột do E.coli cho Bê, gia cầm	Hitech-5
5	T.G.9	Tiamulin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi trên gia súc	Hitech-6
6	Pectyl Fox	Spectinomycin	Lọ	10 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên lợn con, dê non, cừu non	Hitech-7
7	Flumec- F	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm	Hitech-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Doxy	Doxycyclin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê	Hitech-9
9	Pectine	Spectinomycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin trên lợn, dê non, cừu non	Hitech-22
10	Amoxyl-S	Amoxycillin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, sinh dục, các nhiễm khuẩn trên trâu, bò, lợn	Hitech-24
11	Coli- 500	Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm đa khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, thỏ	Hitech-25
12	Spectocin	Lincomycin, Spectinomycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó	Hitech-26
13	Colifox	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	Hitech-28

34. Công ty CP công nghệ sinh học thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV-Flumequin10%	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	BTV-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	BTV-Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột bê, nghé, heo con, gia cầm	BTV-47
3	BTV-Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, trên trâu, bò, lợn, chó, gia cầm	BTV-49
4	BTV- Tylosin	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra	BTV-51
5	BTV-Spirolis	Spiramycin Colistin	Lọ	20ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin trên gia súc non, thỏ, gia cầm	BTV-52
6	BTV-Enrofloxacin 5%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh do E.coli, Haemo-phylus, Pasteurella, Myco trên lợn, trâu bò	BTV-53
7	BTV-Lincomycin	Lincomycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, suyễn do Mycoplasma, đóng dấu lợn. Trị nhiễm trùng da, viêm nhiễm đường hô hấp trên chó, mèo	BTV-56
8	BTV-Huncomycin	Colistin sulfat	Lọ	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột bại huyết, viêm đa khớp truyền nhiễm trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn	BTV-57
9	BTV-Penicolis	Benzylpenicillin Colistin	Ống	10ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	BTV-58
10	BTV-Spectinomycin	Spectinomycin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp (CRD) trên gia cầm, nhiễm trùng ruột trên lợn	BTV-59

35. Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	BM-TS	Colistin sulphate salt, Trimethoprim	Lọ	5,10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị phân trắng lợn con, tiêu chảy mất nước, phó thương hàn, viêm ruột do E.coli	BM-14
2	BM-Kanacolis	Colistin sulphate salt, Kanamycin, mono sulphate salt	Lọ	5,10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Kanamycin cho Trâu, bò, lợn, chó mèo	BM-15
3	BM-Aleccid	S. quinoxalin, Pyrimethamin	Lọ	5,10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị viêm dạ dày - ruột gây ra bởi cầu khuẩn cho gia câm, thỏ	BM-16
4	BM-Tylocylin	Oxytetracyclin, HCL, Tylosin, tartrate	Lọ	5,10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, cho trâu, bò, dê, lợn cừu	BM-17
5	BM-Enrofloxacin	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	BM-25
6	BM-Doxyvet.C	Doxycyclin HCL, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn	BM-26
7	BM-Norcoli	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-30
8	BM-Levamisol	Levamisol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Tẩy các loại giun tròn	BM-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
9	BM-Promethazin	Promethazin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Kháng histamin, an thần trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-32
10	BM-Amino.B	Vitamin B12, B1, PP, B6, Methionin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-34
11	BM-Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột và đường hô hấp trên lợn	BM-37
12	BM-T.T.S	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	BM-38
13	BM-Ivermec	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	BM-39
14	BM-Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị thiếu Vitamin C, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-40
15	BM-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	BM-41
16	BM-Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	BM-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
17	BM-Licomicin	Lincomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-44
18	BM-Kanamycin	Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-45
19	BM-Gentatylo	Gentamycin, Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	BM-46
20	BM-Fosfocin	Fosfomicin, Trimethoprim	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, gia cầm	BM-48
21	BM-Flophenicol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	BM-50
22	BM-B Complex C	Vitamin B_1, B_2, B6, PP, C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, phòng stress trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	BM-51
23	BM-ADE B Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, PP, K_3, C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn tăng trưởng, rối loạn sinh sản, còi cọc, Stress, hỗ trợ trong điều trị các bệnh nhiễm trùng trên gia súc, gia cầm	BM-52
24	BM-Colispec	Spectinomycin, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin và Colistin gây ra	BM-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25	BM-Lepto	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Bromhexin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-55
26	BM-Fasciolid	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, giun tròn, giun móc trên trâu, bò, dê, cừu, chó, chim	BM-56
27	BM-Enroflox	Enrofloxacin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhày cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	BM-57
28	BM-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	BM-58
29	BM-Tridiazin	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm tiết niệu, viêm ruột, viêm khớp, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-59
30	BM-T.T.D	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Dexamethasone	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng huyết, hội chứng MMA trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-61
31	BM-Ceftiofur suspension	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella, Actinobacillus, Streptococus, E.coli cho trâu, bò, lợn	BM-65

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
32	BM-Tylosin 5%	Tylosin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm xoang mũi viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	BM-67
33	BM-Amox L.A	Amoxycilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó , mèo	BM-68
34	BM-Analgin	Analgin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-71
35	BM-Glucose C	Glucose, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Cung cấp năng lượng, trợ sức, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-72
36	BM-Enroject	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, heo; nhiễm trùng tiết niệu trên chó	BM-73
37	BM-Enfloral	Enrofloxacine	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	BM-74
38	BM-TTC	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non, gia cầm	BM-77
39	BM-Soljject	Lincomycin, Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	BM-78

HƯNG YÊN

35 **. Công ty TNHH Nam Dũng**

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TD Levaject	Levamisol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy giun	ND-58
2	TD.Leva Pour-on	Levamisole	Chai, Can	20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị giun trên trâu, bò.	ND-202
3	Flotason	Norfloxacin, Dexa	Ống, lọ	5; 10; 20; 100ml	Chống nhiễm khuẩn chung	ND-08
4	TD.Pentacin	Penicilline, Streptomycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn phổ rộng	ND-11
5	TD.Ampisol	Ampicilline, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn phổ rộng	ND-12
6	Colistop	Colistin Sulfate	Lọ	10; 50; 100ml	Trị E.coli đường tiêu hóa gà, vịt	ND-16
7	TD.Coli-Amoxy	Amoxycilline, Colistin sulfate, Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm khuẩn gây ra bởi các chủng vi khuẩn nhạy cảm	ND-24
8	TD. Tetra 200	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 100ml	Chống nhiễm khuẩn phối hợp	ND-25
9	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 20; 100ml	Tăng sức đề kháng	ND-27
10	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 20; 100ml	Chữa các triệu chứng thiếu hụt Vitamin B_1	ND-28
11	B.complex inj	Vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Cung cấp Vitamin nhóm B	ND-34
12	Tylosin inj	Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	ND-39
13	Thuốc bại liệt Calcifort 20% inj	Calcium gluconate, Vitamin nhóm B	Ống; lọ	2; 5; 10; 20; 100ml	Cung cấp canxi trị bại liệt	ND-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Myco A	Tylosin tartrate, Ampicilline	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp và tiêu hóa ở vật nuôi	ND-41
15	Analgin inj	Analgin	Ống	2; 5; 100ml	Hạ nhiệt, giảm sốt,chống nôn	ND-43
16	Lincomycin inj	Lincomycine	Ống, lọ	5; 10; 20ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-50
17	Vitamin B_{12} inj	Cyanocobalamine	Ống	2; 5ml	Điều trị các triệu chứng thiếu Vitamin B_{12}	ND-51
18	Norflox	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100;ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-52
19	Gentocine	Gentamycine, Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-54
20	Colimutin	Colistin, Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-60
21	Kanamycin 10%	Kanamycine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng sinh	ND-61
22	Erymutin	Erythromycine, Tiamulin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm khuẩn đường hô hấp và kế phát	ND-70
23	Doxy.Tialin	Tiamulin, Doxycyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Kháng sinh phổ rộng	ND-81
24	TD.Cefa	Cefalexine; Lidocaine	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-82
25	TD.Glucose -C	Glucose; Vit C	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Cung cấp năng lượng và tăng sức đề kháng	ND-87
26	Penstep-Dexa	Penicillin, Streptomycine, Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Hỗn hợp kháng sinh phổ rộng	ND-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	Kana.Tylo Plus Dextran B_{12}	Kanamycine,Tylosin Dextran Fe,Vit B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu lợn con	ND-91
28	TD.Estencin	Erythromycine, Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-95
29	ND.Flox	Enrofloxacine, Bromhexine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị chướng diều, khô chân gia cầm	ND-96
30	Chloracine	Neomycine sulfate	Lọ	50; 100; 400; 500ml	Trị nhiễm khuẩn ngoài da, bầu vú, móng chân lợn, gia súc	ND-105
31	TD.Doxy 10	Doxycyline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-106
32	TD.Fer-Dextran	Fe. Dextran 10%	Ống	2; 5; 20; 100ml	Phòng thiếu máu lợn con	ND-107
33	Esta	Trimethoprime, Neomycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa thể nặng và vừa trên gia súc	ND-108
34	TD.Polivit	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Lọ	20; 100ml	Cung cấp các loại Vitamin	ND-117
35	ND.Leptocine	Doxycyclin, Dexa SP Streptomycine S.	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị xoắn khuẩn leptospira	ND-134
36	TD. Policine	Erythromycin, Colistin, Bromhexine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị suyễn lợn, bệnh đường hô hấp	ND-140
37	ND Divalent	Vitamin C, Dipyrone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Giải độc, hạ sốt chống viêm	ND-142
38	ND Pyrine	Caphein, Sulpyrin, Antipyrin, Chlopheniramine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trợ tim, hạ sốt, chống viêm	ND-143

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
39	ND.Quino50S	Norfloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, khớp do M. bovis	ND-156
40	TD.Prim48	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, hôi chứng MMA, viêm ruột, nhiễm trùng máu, viêm đường niệu	ND-159
41	TD.Enroflox-T	Enrofloxacine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, các bệnh ở khớp, nhiễm trùng tiết niệu	ND-160
42	TD.Amoxy150S	Amoxycilline	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline cho gia súc, lợn, cừu, chó và mèo	ND-161
43	TD.Amcoli	Ampicilline, Colistin sulphate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường ruột, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu, viêm vú,THT cho gia súc	ND-164
44	Flor- fort	Norfloxacin	Ống, lọ	5; 10ml 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp trên trâu, bò, heo. Nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó	ND-165
45	TD.Oxy	Oxytetracyclin, Lindocain, Bromhexin	Ống, lọ	5; 10ml 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, TH, PTH, ĐD, THT trên trâu, bò, lợn, gà, chó, mèo	ND-166
46	TD.Enro10	Enrofloxacin	Chai Lọ	50; 100; 250; 500ml 10; 20ml	Trị CRD, thương hàn, do E.coli cho gia cầm. Trị THT, tiêu chảy, phân trắng bê nghé	ND-145

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
47	TD. Flox 30%	Florfenicol	Ống Chai/Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho trâu, bò, heo, dê, cừu	ND-09
48	TD. Enro Oral	Enrofloxacin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu và tiêu hóa do E.coli, Pr. mirabilis cho chó	ND-55
49	TD. Sone	Florfenicol Oxy tetracyclin HCL	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm ruột, viêm teo mũi truyền nhiễm, kiết lị cho gia súc. Trị CRD, THT, thương hàn, phân trắng, phân xanh cho gà	ND-136
50	Doenrotylo	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin cho gia súc, gia cầm	ND-89
51	TD. Colispira	Spiramycin Colistin	Lọ	10; 20; 50ml	Trị THT, phân trắng, CRD, viêm mắt do Chramydia cho gia cầm, bệnh THT, viêm phổi, tử cung, viêm ruột cho gia súc	ND-78
52	TD.Diflox	Difloxacin	Ống Chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Difloxacin gây ra cho gia súc	ND-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
53	TD.Tia 200	Tiamulin	Ống, lọ Chai	2; 5ml,10; 20ml 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp; CRD, viêm phổi - màng phổi, viêm ruột xuất huyết và viêm đa khớp	ND-79
54	TD.Tylosine 200	Tylosin tatrate	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosine gây ra cho trâu, bò, heo, dê, cừu	ND-137
55	TD. Enro 25	Enrofloxacin(HCL)	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu và đường tiêu hóa do E.coli, P.mirabilis	ND-56
56	TD.Colimutin	Tiamulin Colistin	Lọ	10; 20; 50ml	Trị CRD, do E.coli, viêm xoang cho gia cầm. Trị lị, phân trắng; viêm phổi, khớp ở gia súc	ND-141
57	TD Marbo	Marbofloxacine	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-04
58	TD.Dano 180	Danofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò	ND-75
59	TD. Colimycine	Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh tiêu hóa trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ND-88
60	TD.Sulfamax	Sulfadimethoxin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sốt do vận chuyển, viêm phổi, viêm móng trên trâu, bò	ND-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
61	TD.Genta	Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò	ND-139
62	TD. Spira 20%	Spiramycine adipate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	ND-147
63	TD.Butosal	[1- (butylamino)-1-methylethyl]-phosphoric acid, Vit B_{12}.	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa do rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	ND-168
64	TD. Vital	Vitamin B_1, B_6, PP	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu vitamin, chống stress và suy nhược cơ thể	ND-169
65	TD.ADE	Vitamin A, D_3, E	Lọ	2; 5;10; 20;100ml	Trị suy dinh dưỡng, tăng sức đề kháng, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	ND-170
66	TD. Oxacin XL	Oxytetracycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu dục trên trâu, bò, lợn	ND-22
67	TD.Genta(Plus)	Gentamycin sulfate, Procain penicillin G	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	ND-26
68	TD.Ceftisol	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, lợn	ND-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
69	TD. Speclinco	Spectinomycine, Lincomycine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycine và Lincomycine gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	ND-69
70	TD.Flox 5	Florfenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-173
71	TD.Flox 2	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-174
72	TD.Diflox 10	Difloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, chó	ND-175
73	TD Flumequin Oral	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin gây ra trên gia cầm	ND-177
74	TD. Dano 25	Danofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-178
75	TD.Marbo 10	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin gây ra trên trâu, bò, lợn	ND-179
76	TD.Butovit	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, PP, D_3, E, Methionin, Lysin, Cholin , Folic acid	Lọ	5; 10; 50; 100; 250; 500ml	Chống Stress và suy nhược cơ thể, cân đối các loại Vitamin, axít amin trên cừu, ngựa, lợn, gia cầm, thỏ	ND-180

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
77	TD.Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, chống viêm, tăng sức đề kháng	ND-181
78	TD. Vitamin C 20%	Vitamin C	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Bồi bổ cơ thể, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	ND-182
79	TD. Calcium-C	Calcium gluconate, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bại liệt, co giật do hạ caxi huyết, mềm xương, loãng xương, còi xương. Tăng cường giải độc, trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó	ND-183
80	TD. Calcium-B	Calcium gluconate, Phosphorylchola-mine, Vitamin B_{12}	Lọ	50; 100; 250; 500ml	Trị bại liệt, xuất huyết nội, dị ứng, nổi mề đay, viêm da, rối loạn trao đổi chất, suy nhược cơ thể trên trâu, bò, ngựa, lợn	ND-184
81	TD.Dexa	Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các trường hợp Shock, hội chứng viêm, dị ứng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó	ND-185
82	TD.Calcium-Caf	Calcium gluconate, Cafein	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị hạ canxi huyết, suy nhược thần kinh, trợ tim, trợ hô hấp	ND-186
83	TD. Vitasol	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, KCL, NaCL, $MgCL_2$, Calcium	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn trao đổi Carbohydrate, chứng mất nước, suy nhược cơ thể, tăng cường sức đề kháng	ND-187

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
84	TD.Septotryl 30%	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đương hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm nhiễm sau khi sinh, viêm bàng quang viêm rốn trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	ND-188
85	TD. Ivermec	Ivermectine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị KST nhạy cảm với Ivermectine trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ND-189
86	TD.Gali 200	Erythromycine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi - phế quản, THT, đóng dấu, viêm ruột, ỉa chảy phân trắng, thương hàn, MMA, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, cừu	ND-193
87	TD.Atropin	Atropin sulfate	Ống, lọ	2; 10; 20; 50; 100ml	Giảm trương lực cơ trơn, giải độc, giảm tiết dịch	ND-194
88	TD.Butomec	Ivermectine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100 200; 500ml; 1 lít	Phòng và trị giun tròn dạ dày ruột, giun phổi, ghẻ, rận trên trâu, bò	ND-196
89	TD.Nitrox	Nitroxynil	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan, giun tròn dạ dày-ruột, giun móc	ND-197
90	TD.Butidyl	Vitamin B_{12}, Sodium selenite, ATPs, Mg	Chai	10; 20; 50; 100ml	Suy nhược thời kỳ lại sức sau khi đẻ, sau khi khỏi bệnh, khởi đầu kém ở thú, stress do di chuyển	ND-198
91	TD. Calphovit	Calcium, Phosphorus, vitamin D_3, B_{12}	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng sốt sữa sau khi sinh do thiếu canxi, phôt pho trên bò sữa, dê, cừu	ND-201

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
92	TD. Amo-gen	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline và Genta-mycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa	ND-204
93	TD. Norpyrin	Noramidopyrine, methasulfonate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Giảm đau và phục hồi chức năng trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó	ND-205
94	TD.Ceftifur	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò	ND-206
95	TD. Ampi 30%	Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột, niệu - sinh dục, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, cừu	ND-207
96	TD. Duopen G	Procaine penicilline G, Benzathine penicilline G	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, chó, mèo	ND-208
97	TD. Nitrox 34	Nitroxynil	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan trên trâu, bò, cừu	ND-209
98	TD.Selen	Vitamin E, Selenium	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng thiếu hụt Vitamin E và Selenium gây ra trên bò, ngựa, lợn, cừu	ND-210
99	TD. Nitro- Plus	Nitroxynil, Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	ND-211
100	TD. Ceftifur 10%	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	ND-212

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
101	TD.Anticox 25	Toltrazuril	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng trên gia cầm	ND-213
102	TD.Anticox 50	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	ND-214
103	TD. Ivermec Super	Ivermectin, Clorsulon	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị nội ngoài ký sinh trùng trên trâu, bò	ND-215
104	TD. Tolfenac	Tolfenamic acid	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, heo, chó, mèo	ND-216
105	TD. Ampi 5%	Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu - sinh dục, trên dê, cừu, lợn, chó, mèo	ND-217
106	TD. Amoxy-Plus	Amoxycilin, Potassium clavulanate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	ND-218
107	TD. Amoxy 50S	Amoxycilin, Potassium clavulanate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	ND-220
108	TD.Triam	Triamcinolone acetonide	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị trúng độc aceton hay xeton huyết khi mang thai, viêm khớp cấp tính, dị ứng, viêm da, nổi mề đay, giảm stress trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó	ND-224

NAM ĐỊNH

37. Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Haco

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Levamisol	Levamisol	Gói	2g	Tẩy giun: lợn, gà, chó, mèo	HACO-03
2	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin	Gói	2; 5; 10g	Trị bệnh tiêu chảy, phân trắng, nhiễm trùng lợn, gà, chó, mèo	HACO-04
3	Haco-Colistin	Colistin sulphate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	HACO-06
4	Haco-Norfloxacin	Norfloxacine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacine trên gà vịt	HACO-07
5	Haco-Amocyclline	Amoxycilline Trihydrate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline	HACO-08
6	Haco-Coliprim	Trimethoprime, Colistin sulphate	Túi	10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Colistin trên gia cầm, lợn, bê, dê, cừu	HACO-09

THÁI BÌNH

38. Công ty thương mại và đầu tư thuốc thú y đông Nam Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Levazol	Levamisol	Gói	2; 5; 10g	Trị các bệnh giun sán như giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim	ĐNA-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Alcomicin	Ampicillin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy sưng phù đầu, viêm phổi, viêm xoang, THT, khẹc vịt,..	ĐNA-02
3	Colimicin-ĐNA	Trimethoprim, Tylosin tartrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm phế quản, CRD, hen suyễn, tụ huyết trùng	ĐNA-03
4	Tetracyn-ĐNA	Tetracyclin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị ỉa chảy, phân xanh, phân trắng, Ecoli, tụ huyết trùng	ĐNA-04
5	Genocos-ĐNA	Gentamicin, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm phế quản, CRD, bệnh viêm ruột ỉa chảy, phân xanh, phân trắng	ĐNA-05
6	Ampicoli-ĐNA	Ampicillin, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm	ĐNA-22
7	Oxycoli-ĐNA	Colistin Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường ruột, CRD. Trị các bệnh lây nhiễm do vi khuẩn	ĐNA-23
8	Flumequin-ĐNA	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin	ĐNA-24
9	Neomycin-ĐNA	Neomycin	Gói	10; 20; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh ở dạ dày, ruột do các vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin trên gia súc, thỏ, gia cầm	ĐNA-25
10	Doxycyclin-ĐNA	Doxycilin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycilin	ĐNA-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	Tylodoxy-ĐNA	Tylosin Doxycilin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp cho bò cái, gia cầm, lợn	ĐNA-27
12	S1000-ĐNA	Sufadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa như ỉa chảy, viêm dạ dày ruột	ĐNA-06
13	R1000	Trimethoprim, Sulfadimidin sodium	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, viêm đường hô hấp, sưng phù đầu	ĐNA-7
14	C200-ĐNA	Colistin sulfate	Lọ	5;10;20;50;100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng; CRD	ĐNA-08
15	F500-ĐNA	Flumequin (apurone)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng, CRD, thương hàn, tụ huyết trùng	ĐNA-09
16	M500-ĐNA	Neomycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm dạ dày, ruột ỉa chảy, phân xanh, phân trắng	ĐNA-10
17	N500-ĐNA	Norfloxacin HCL	Lọ	5;10;20;50;100ml	Trị sưng phù đầu, THT, CRD, viêm ruột	ĐNA-11
18	E500-ĐNA	Enrofloxacin	Lọ	5;10;20;50;100ml	Trị các bệnh CRD, viêm đường hô hấp, viêm dạ dày, ruột ỉa chảy, phân xanh, phân trắng	ĐNA-13
19	Analgin- ĐNA	Analgin	Lọ	5;10;20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ số trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	ĐNA-14
20	Lincospectin-ĐNA	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp tiết niệu sinh dục trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	ĐNA-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21	KCL-ĐNA	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó, mèo	ĐNA-16
22	ER-ĐNA	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	ĐNA-17
23	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin B_1	ĐNA-18
24	F500-ĐNA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	ĐNA-19
25	C200- ĐNA	Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh ở dạ dày, ruột trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	ĐNA-20
26	N500-ĐNA	Norfloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	ĐNA-21
27	Levamysol 7,5%	Levamysol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị các bệnh giun sán như giun đũa, giun thận, giun phổi, giun lươn, giun mắt	ĐNA-28

39. Công ty TNHH Trường Hằng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B Complex	Vit B_1, B_2, B_6, PP	Túi	100; 1000g	Thuốc bổ dưỡng	TH-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	TH-Sul-Coli	Colistin; Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50g	Trị viêm phế quản	TH-02
3	TH-Leppin	Tylosin;	Túi	5; 10; 20; 50g	Trị CRD	TH-04
4	TM.Meber	Mebendazon	Túi	2; 5g	Tảy giun sán	TH-07
5	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Viên	0,01g	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin B_1	TH-11
6	TR' Han-Enro 10 (Uống)	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng đường sinh dục trên gia cầm	TH-15
7	Polymycin	Colistin sulphate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin cho bê, nghé, lợn, cừu	TH-08
8	TH- Enro	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn	TH-09
9	Norflox	Norfloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn	TH-10
10	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin B_1	TH-13
11	TR' Han-Enro 10 (Tiêm)	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, khớp trên trâu bò; lợn; nhiễm trùng tiết niệu trên chó	TH-14

40. Công ty liên doanh Bình Giang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Thuốc tằm chín	Ecdysome, Cồn	Ống	2; 5ml	Giúp tằm chín đều, lên né đều	LDBG-3
2	Thuốc chữa bệnh tằm số 1	Enrofloxacin, Thiophante	Gói	15g	Chữa bệnh tằm bủng, vôi tằm	LDBG-5
3	Thuốc chữa bệnh tằm số 2	Enrofloxacin	Gói	5g	Chữa bệnh vi khuẩn, nấm ở tằm	LDBG-6

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

41. Công ty cổ phần thuốc thú y TWI - chi nhánh Đà Nẵng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Viên dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-20
2	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Chữa suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-21
3	ADEB.complex	Vitamin A, D, E, B	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100, 500ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-28
4	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100ml	Tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi truyền nhiễm, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Gentamycin 4%	Gentamycin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Viêm phổi, viêm phúc mạc, nhiễm trùng huyết, E.coli, phó thương hàn	TWI-X3-32
6	Gentatylodex	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Viêm phổi, viêm phổi truyền nhiễm, kiết lỵ, thương hàn, viêm ruột	TWI-X3-34
7	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống,Lọ	5,10, 20, 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TWI-X3-48
8	Septotryl 24%	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ống, Lọ	5ml 10, 100ml	Các bệnh nhiễm trùng, viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	TWI-X3-53
9	Norfloxacin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh phân trắng, phó thương hàn, bạch lỵ, viêm phổi, CRD	TWI-X-72

TỈNH KHÁNH HÒA

42. Phân viện thú y miền Trung - Viện thú Y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống	5ml	Bổ sung vitamin	TW IV-11
2	Strychnin B_1	Strychnin, Vitamin B_1	Ống	2ml	Trị tê liệt thần kinh, suy nhược	TW IV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Strychnin sulfat 0,1%	Strychnin sulfat	Ống	2ml	Trị tê liệt thần kinh, suy nhược	TW IV-13
4	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5ml	Bổ sung vitamin	TW IV-14
5	Cafein Natri Benzoat 7%	Cafein Natri benzoat	Ống	5ml	Trị cơ thể suy nhược, suy tim, ngộ độc, kích thích hưng phấn	TW IV-15
6	Atropin Sulfat 0,1%	Atropin sulfat	Ống	2ml	Trị co thắt ruột, khí phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau, tiền mê	TW IV-16
7	Gluconat canxi 5%	Gluconat canxi	Ống	5ml	Bổ sung calci	TW IV-17
8	Gluco C	Đường glucoza, Vitamin C	Ống	10ml	Trợ sức, bổ sung đường Glucose	TW IV-18
9	Urotropin 10%	Urotropin	Ống	5ml	Sát trùng đường tiết niệu, lợi tiểu	TW IV-19

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

43. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (Navetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Navet-Tetrasone	Gentamycin Oxytetracyclin	Ống Chai	5ml 20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Sulmet 20%	Sulfadimidin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-20
3	Septotrim 24%	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-21
4	Sulfadiazin 20%	Sulfadiazin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-22
5	Scour-Solution	Neomycin, Streptomycin, Vit B	Chai	100ml	Thuốc chống tiêu chảy	TWII-28
6	Sulfadimidin 33%	Sulfadimidin	Lọ, chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-29
7	Glucoza 5%	Glucose	Chai	500 ml	Phòng. trị mất nước trong, ngoài tế bào	TWII-31
8	Vitaject ADE	Vitamin A, D, E	Lọ, chai	20 ml	Bổ sung Vitamin	TWII-33
9	Campovit	Cao gan	Chai, ống	10ml	Bổ sung Vitamin	TWII-34
10	B-Complex	Vitamin nhóm B	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Thuốc bổ sung Vitamin	TWII-37
11	Levamisol 7,5%	Levamisol	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Chống ký sinh trùng (giun)	TWII-39
12	Calci Gluconate	Calci	Ống	5ml	Thuốc bổ sung Calci	TWII-40
13	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống	5 ml	Bổ sung Vitamin	TWII-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5 ml	Bổ sung Vitamin	TW2-42
15	Analgin 20%	Analgin	Chai, ống	20, 50, 100ml, 5ml	Giảm đau	TWII-43
16	Kanamycin 10%	Kanamycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-44
17	Gentamycin 4%	Gentamycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-47
18	Genta-Tylan	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-48
19	Neo-Kanamycin 10%	Kanamycin, Neomycin	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-50
20	Suanovet 5	Spiramycin	Ống, chai	5, 50ml, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-52
21	Trisulfatrim	Sulfamid	Ống, chai	5, 50ml, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-53
22	Suanovet 10	Spiramycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-56
23	Lincomycin 10%	Lincomycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-58
24	Lincoseptrim	Lincomycin, Sulfamid	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	Norfloxillin	Norfloxacin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TW2-63
26	Trimecol	TMP, Colistin	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-82
27	Tiacol	Tiamulin, Bromhexin Colistin	Chai	20, 50, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	TWII-83
28	Pyrisul	Sulfamid, Pyrimethamine	Chai	200ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-91
29	Ivermectin	Ivermectin	Chai	20, 50ml	Điều trị các bệnh kí sinh trùng.	TWII-92
30	Dexason	Dexamethason	Ống, chai	5ml, 20, 50ml	Chống viêm	TWII-93
31	Anti-ecto	Amitraz	Chai	120ml	Chống ký sinh trùng	TWII-94
32	Clear Dog	Vitamin	Chai	200ml	Mượt lông	TWII-95
33	Navet- Tylosin 100	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm trùng trên gia súc	TWII-102
34	Navet- Cox	Toltrazuril	Chai	100; 200ml	Trị bệnh cầu trùng trên heo con	TWII-103
35	Navet- Flor	Florphenicol	Chai, ống	5; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn	TWII-106
36	Navet- Enro 100	Enrofloxacin HCL	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm nhiễm ngoài da, vết thương	TWII-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
37	Navet- Doxy-T	Tylosin tartrate, Doxycyclin, Dexa	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm phế quản, hồng lỵ trên trâu, bò, dê, cừu, heo	TWII-54
38	Navet- Cef	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, THT, thối móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	TWII-71
39	Navet- Oxytetra 100	Oxytetracycline HCL	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên gia súc	TWII-80
40	Navet- Enro	Enrofloxacin HCL	Chai	200ml	Trị phó thương hàn, phù đầu do E.coli, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột trên heo con	TWII-84
41	Navet-Thiasone	Thiamphenicol	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo	TWII-87
42	ADE B.Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt Vitamin, hồi phục sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gia cầm	TWII-107
43	Calcifort-B_{12}	Calci gluconate, Acid boric, Acid glutamic, Magnesi carbonate, Vitamin B_{12}	Ống, chai	5; 10; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Calcium và thiếu máu trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	TWII-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
44	Navet-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, tăng sức đề kháng	TWII-109
45	Navet-Analgin 30%	Analgin	Chai	20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt	TWII-110
46	Navet- Tylosin 200	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi, hồng lỵ, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TWII-111
47	Navet- Pen-Strep	Dihydrostreptomy-cin, Penicillin G Procaine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, sinh dục - tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, chó, mèo	TWII-112
48	Navet-Oxytetra 200	Oxytetracycline,	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng trên gia súc	TWII-113
49	Navet-Marbocin	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh viêm phổi, phế quản, viêm vú, tử cung; tiêu chảy do E.coli	TWII-116
50	Navet-Amoxy	Amoxicillin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh viêm, nhiễm trùng cho trâu bò, dê, cừu, lợn như viêm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, nhiễm trùng máu	TWII-117
51	Navet-Marbocin 10	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh viêm phổi, phế quản, viêm vú, tử cung; tiêu chảy do E.coli	TWII-118

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
52	Navet-xinil	Nitroxinil	Chai	20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, nội ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	TWII-119
53	Navet- Ampicol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	20; 50; 100; 500 ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên trâu bò, lợn, dê, cừu	TWII-120
54	Navet-Fer + B_{12}	Iron (sắt), Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé	TWII-121
55	Navet-Streptapen	Procain penicillin G, Dihydrostrepto-mycin sulfate	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin trên gia súc	TWII-122
56	Navet-Gentamox	Amoxycillin trihydrate, Gentamicin sulfate	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột, viêm da, viêm vú, viêm tử cung, bệnh do vi khuẩn Colibacillus trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	TWII-127
57	Navet-cox 2,5%	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	TWII-128
58	Navet-Verxil	Nitroxinil, Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Trị giun, sán trên trâu, bò, cừu	TWII-129

44. Công ty TNHH một thành viên dược thú y Thuận Kiều

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml	Trị thiếu máu, bầm huyết, phục hồi sức khỏe	HCM-X1-7
2	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống	5ml	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-8
3	Strychnin	Strychnin sulfate 0,1%	Ống	2ml	Kích thích thèm ăn, trợ lực	HCM-X1-10
4	Vitamin K 0,5%	Vitamin K	Ống lọ, chai	2ml 10, 20ml, 50, 100ml	Cung cấp Vitamin K ngăn ngừa chống xuất huyết	HCM-X1-11
5	Erythromy-cin	Erythromycin 10%	Chai	100ml	Phòng, trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-16
6	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống, lọ	2, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X1-17
7	Levamysole	Levamysole 10%	Chai	100m	Phòng trị bệnh ký sinh trùng	HCM-X1-18
8	B.Complex	Vitamin B_1, B_2, PP, B_6	Ống, lọ chai	2, 10ml 20, 50, 100, 500ml	Phòng trị các chứng thiếu Vitamin, kích thích tăng trọng	HCM-X1-19
9	Veteprednin	Prednisolone	Ống	5ml	Kháng viêm	HCM-X1-20
10	Levamysole 7,5%	Levamysole	Ống, lọ chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh ký sinh trùng	HCM-X1-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Analgin	Analgin	Ống, lọ,	2, 10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X1-39
12	Strychnin B_1	Strychnine, Vitamin B_1	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm dây thần kinh, kích thích tiêu hóa	HCM-X1-40
13	VitaminC 1000	Vitamin C	Ống, chai	5, 50, 100ml	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-44
14	Babevita	Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ chai	5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Cung cấp Vitamin, kích thích tăng trọng	HCM-X1-51
15	Colistin High	Colistin sulfate	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các bệnh do trực khuẩn	HCM-X1-52
16	Dexavet	Dexamethasone	Ống, lọ chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Trị các chứng viêm sưng, đau nhức	HCM-X1-57
17	Gentamycin	Gentamycin	Ống, lọ chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu, đường ruột, hô hấp	HCM-X1-58
18	Linco DC	Lincomycin, Colistin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh đường ruột, hô hấp, viêm xoang, viêm khớp	HCM-X1-61
19	Anavet-C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X1-70
20	Enrovet 5%	Enrofloxacin	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
21	Eugeca-C.D	Gentamycin, Colistin, Dexamethasone	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-72
22	Enrovall-10% Suspension	Enrofloxacin	Chai, lọ	50, 100, 250, 500, 1000ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-73
23	Sulfadine-24 Suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai, lọ	50, 100, 250, 500, 1000ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-74
24	Fer-Dextrance	Iron	Ống, lọ,	5ml; 10ml; 100ml	Phòng, trị các chứng thiếu sắt	HCM-X1-25
25	Norfloxvet 10%	Norfloxacin HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100 ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa: thương hàn, kiết lỵ, E.coli,	HCM-X1-76
26	Tylovet 10%	Tylosin tartrate Dexamethasone	Ống	5; 10; 20; 50; 100 ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, sinh dục do VK Gram (+), Mycoplasma	HCM-X1-77
27	Cotrimvet	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim, Dexa	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-82
28	Tetravet 10%	Tetracycline HCL, Dexamethasone.	Ống, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-83
29	Kanavet 10%	Kanamycin sulfate, Dexamethasone.	Ống, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
30	Cevit- K	Vitamin C, K	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng chảy máu do thiếu VitC, K; tăng sức đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HCM-X1-85
31	Calcium- C	Calci gluconate, Vit C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các chứng liệt sau sinh, co giật	HCM-X1-86
32	Atropin	Atropine sulfate	Ống, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, giảm nhu động ruột, dạ dày, giải trừ chất độc có nguồn gốc Phospho, Dipterex, Chloroform	HCM-X1-87

45. Công ty cổ phần Sài Gòn V.E.T

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Septotrim	Sulfamerazine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	HCM-X2-3
2	Tylotrim	Tylosin, Trimethoprime	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, CRD	HCM-X2-10
3	Kanesone	Kanamycin, Neomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa.	HCM-X2-30
4	Sagoflox 500	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Flume 20% Oral	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy do E. coli, thương hàn, PTH, xuất huyết, sẩy thai	HCM-X2-40
6	O.P.C.	Erythromycin, Prednisolone, Oxytetracyclin HCL	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, toi, viêm nhiễm đường ruột	HCM-X2-61
7	Tylan-spectin	Tylosin, Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiết niệu	HCM-X2-63
8	Colistin	Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-97
9	Kanacin 100	Kanamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm nhiễm khác	HCM-X2-104
10	Vitamin C 1000	Vitamin C	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau điều trị	HCM-X2-109
11	S.G Biflox 20%	Enrofloxacin HCL, Bromhexine	Chai	100ml, 200ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy do E. coli và salmonella	HCM-X2-134
12	Cefa - Dexa	Cefalexin, Dexamethazone	Ống,Lọ, chai	2, 5, 10, 15, 20ml 50,100,250,500ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiết niệu, tụ huyết trùng.	HCM-X2-137
13	O.D.C	Erythromycin, Dexa Oxytetracyclin HCL,	Ống lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10,20,50,100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng vết thương…	HCM-X2-139

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Coccisol	Diaveridine HCL, Sulfadimidine, Analgin, Vit K_3, A, PP	Lọ, chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc trị cầu trùng	HCM-X2-141
15	S.G Cephacol-D	Cephalexin, Colistin sulfate, Dexa sodium	Ống, lọ, chai	2, 5, 10,15ml 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiêu chảy do E coli, tụ huyết trùng	HCM-X2-145
16	S.G Sivermectin 1%	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-155
17	Sulfatrim-D	Sulfamethazine, Trimethoprim	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, phế quản, thương hàn, bạch lỵ gia cầm, tụ huyết trùng ở trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2- 168
18	Genten-Plus	Gentamycin sulfate, Amoxicilin trihydrate	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 15; 20; 50; 100; 250; 5000ml.	Trị viêm phổi do Mycoplasma (CRD), THT, viêm ruột tiêu chảy do E.coli cho lợn, bê nghé, dê cừu, gà vịt	HCM-X2- 179
19	O.S.C Dex	Erythromycin base Colistin sulfate, Dexa	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml;	Trị CRD, THT, Phó thương hàn, E.coli cho trâu bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-184

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
20	Toracin	Tobramycin sulfate Colistin sulfate Dexamethasone	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml;	Trị bệnh do Mycoplasma, E.coli, ỉa chảy do Clostridium; THT, PTH cho trâu bò, lợn, dê cừu, viêm phổi, ruột cho chó mèo	HCM-X2-185
21	Coliof	Colistin sulfate Spectinomycin	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml;	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X2-187
22	Tiacotin	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X2-198
23	Flume 7,5%	Flumequine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột- tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-221
24	Difloxin	Difloxacin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-229
25	Florcine	Florfenicol, Dexamethasone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruôt - tiêu chảy, viêm da, viêm kết mạc trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-230

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
26	Cosultrim	Sulfamethoxa-zole, Trimethoprim	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-236
27	Fluquine	Flumequine, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-243
28	Bactrim LA	Sulfamethoxa-zole, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X2-244
29	SG.Doxy LA	Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo. Nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên chó, mèo	HCM-X2-245
30	SG.Enro LA	Enrofloxacin Base	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X2-248
31	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	HCM-X2-252

(Xem tiếp Công báo số 277 + 278)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng